**TÌM HIỂU**

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT**

**VỀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT**

***Phần thứ nhất***

**NGHIỆP VỤ THEO DÕI TÌNH HÌNH
THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**1. Khái quát về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Xây dựng và thi hành pháp luật luôn được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Cho đến nay, nhìn một cách toàn diện, Việt Nam đã có một hệ thống pháp luật tương đối đầy đủ, gần 200 luật, pháp lệnh điều chỉnh toàn diện mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; chất lượng các văn bản pháp luật ngày càng được nâng cao, tính thống nhất, đồng bộ và khả thi của các văn bản pháp luật ngày càng được bảo đảm. Những thành tựu trong công tác xây dựng pháp luật, đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung ở Việt Nam.

Tuy nhiên, pháp luật chỉ thực sự phát huy được vai trò của mình trong quản lý nhà nước và xã hội khi được thi hành một cách đầy đủ và nghiêm chỉnh. Thi hành pháp luật là hoạt động có ý nghĩa quyết định hiệu lực, hiệu quả của văn bản quy phạm pháp luật được ban hành. Những phản hồi của xã hội trong quá trình thi hành pháp luật chính là thước đo hiệu quả công tác xây dựng pháp luật, giúp phát hiện kịp thời những tồn tại, hạn chế và những vấn đề mới phát sinh, từ đó có giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật.

Hiến pháp năm 2013 đã quy định: Chính phủ có nhiệm vụ tổ chức thi hành Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước (Điều 96); Thủ tướng Chính phủ có nhiệm vụ  lãnh đạo việc xây dựng chính sách và tổ chức thi hành pháp luật ( Điều 98); Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ tổ chức thi hành và theo dõi thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực trong phạm vi toàn quốc (Điều 99); Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, tổ chức thi hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (Điều 114). Đây là những nội dung cần được cụ thể hóa trong Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật khác có liên quan để triển khai thi hành Hiến pháp và đẩy mạnh thi hành pháp luật.

**2. Mục đích của hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Mục đích của việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật được quy định cụ thể tại Điều 3 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP. Theo đó, theo dõi tình hình thi hành pháp luật là nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

**3. Nguyên tắc theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Điều 4 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP quy định 5nguyên tắc theo dõi thi hành pháp luật, gồm:

- Khách quan, công khai, minh bạch.

- Thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

- Kết hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực và theo địa bàn.

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật; không trùng lắp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định.

- Huy động sự tham gia của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và nhân dân.

Trong các nguyên tắc theo dõi tình hình thi hành pháp luật, thì nguyên tắc “*Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật, không trùng lắp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định”* được xác định là nguyên tắc quan trọng, cần được quan tâm trong quá trình triển khai thực hiện. Bởi vì, xuất phát từ thực tiễn, có nhiều hoạt động của các cơ quan nhà nước có sự trùng lặp và chồng chéo, điều này gây lãng phí về nguồn lực, không mang lại hiệu quả cao, thậm chí còn hạn chế lẫn nhau giữa hoạt động của các cơ quan nhà nước. Ngoài ra, nguyên tắc *“Thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm”* cũng được đặt ra bởi lẽ việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật một cách dàn trải là rất khó thực hiện hoặc thực hiện không hiệu quả do thiếu tính tập trung.

**4. Phạm vi trách nhiệm theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Uỷ ban nhân dân các cấp**

Phạm vi trách nhiệm theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Uỷ ban nhân dân các cấp được quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, đó là: *Ủy ban nhân dân các cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công. Tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, giúp người đứng đầu cơ quan chuyên môn theo dõi tình hình thi hành pháp luật.*

Ngoài ra, tại các văn bản pháp luật khác cũng quy định trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật, cụ thể như:

 Tại Điều 21, Điều 28 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ: *"Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật”*; UBND cấp huyện có nhiệm vụ*: “Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật".*

Tại Thông tư số 07/2020/TT-BTP ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, khoản 6 Điều 4 quy định Phòng Tư pháp huyện có trách nhiệm: *Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn; Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương; Tổng hợp, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế ở các cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật như sau:

*Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan thực hiện công tác kiểm tra, theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương theo quy định của pháp luật;*

*Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện pháp luật;*

*Chủ trì xây dựng báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương trình Thủ trưởng cơ quan chuyên môn gửi Sở Tư pháp.*

Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định cụ thể trách nhiệm của Sở Tư pháp là tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật.

Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cũng quy định trách nhiệm của Phòng Tư pháp là tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật.

Như vậy, theo các quy định trên thì phạm vi trách nhiệm theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân và trách nhiệm tham mưu thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được thực hiện như sau:

**4.1. Đối với cấp tỉnh:**

- Trách nhiệm theo dõi thi hành: Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình ở địa phương.

- Trách nhiệm tham mưu thực hiện:

**+** Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương.

**+** Cơ quan phối hợp: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công; thực hiện chế độ báo cáo về tình hình thi hành pháp luật theo quy định gửi Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp.

Ngoài ra, công chức pháp chế (bộ phận Thanh tra hoặc Văn phòng) của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh còn phải tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 55/2011/NĐ- CP đã nêu ở trên.

**4.2. Đối với cấp huyện**

- Trách nhiệm theo dõi thi hành: Uỷ ban nhân dân cấp huyện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình ở địa phương.

- Trách nhiệm tham mưu thực hiện:

**+** Cơ quan chủ trì: Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương.

**+** Cơ quan phối hợp: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với Phòng Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công.

**4.3. Đối với cấp xã**

- Trách nhiệm theo dõi thi hành: Uỷ ban nhân dân cấp xã theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình ở địa phương.

- Trách nhiệm tham mưu thực hiện:

**+** Cơ quan chủ trì: Công chức Tư pháp- Hộ tịch cấp xã chủ trì, phối hợp với công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý của địa phương.

**+** Cơ quan phối hợp: Công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với công chức Tư pháp- Hộ tịch tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công.

**5.** S**ự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Trong giai đoạn hiện nay, sự tham gia của xã hội vào công tác quản lý nhà nước có ý nghĩa rất quan trọng và mang lại những hiệu quả hết sức thiết thực. Dư luận xã hội và các thông tin phản ánh từ các tổ chức, cá nhân về tình hình thi hành pháp luật trong nhiều trường hợp đã có những đóng góp quan trọng, tích cực góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của nhà nước, cũng như trong việc thực hiện pháp luật một cách nghiêm minh, thống nhất. Thực tiễn cho thấy, công tác theo dõi thi hành pháp luật chủ yếu được thực hiện bởi các cơ quan nhà nước, điều này dẫn đến kết quả của công tác theo dõi thi hành pháp luật chưa thật sự bảo đảm tính khách quan.

Chính vì vậy, để nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật, tại các Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các Điều 9, Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 quy định về phối hợp và huy động sự tham gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật, cụ thể:

- Tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 quy định: Huy động sự tham gia của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và nhân dân; các tổ chức, cá nhân có quyền tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Ủy ban nhân dân các cấp huy động Hội luật gia, Đoàn luật sư, các hội xã hội, nghề nghiệp, tổ chức nghiên cứu, đào tạo, chuyên gia, nhà khoa học có đủ điều kiện tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế cộng tác viên.

Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật thông qua các hình thức sau đây: Cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo quy định; Các hoạt động phối hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

- Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 quy định về cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Cộng tác viên được huy động để tham gia hoạt động xây dựng mẫu phiếu khảo sát; xử lý kết quả điều tra, khảo sát; tổng hợp, phân tích, xây dựng báo cáo kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật và các hoạt động khác về điều tra, khảo sát; Thu thập thông tin; rà soát, đối chiếu tính chính xác, phù hợp của thông tin, đưa ra những ý kiến nhận xét, đánh giá trong việc xử lý thông tin; Xây dựng báo cáo kết quả xử lý thông tin. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo từng vụ việc cụ thể.

**II. NỘI DUNG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

Căn cứ vào mục đích và yêu cầu cụ thể, tình hình thi hành pháp luật có thể được xem xét, đánh giá trên nhiều phương diện với các nội dung khác nhau. Mục đích và yêu cầu của công tác theo dõi thi hành pháp luật là nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Để xem xét, đánh giá một cách toàn diện về thực trạng thi hành pháp luật, cần phải xem xét, đánh giá về những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình thi hành pháp luật và những biểu hiện của tình hình thi hành pháp luật. Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, thực trạng thi hành pháp luật được xem xét, đánh giá về 03 nội dung: (1) Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; (2) Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật; (3) Tình hình tuân thủ pháp luật.

**1. Xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, việc xem xét, đánh giá về tình hình ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo các nội dung sau đây:

- Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết.

- Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản.

- Tính khả thi của văn bản.

**1.1.** **Đánh giá về** **tính kịp thời, đầy đủ trong việc ban hành văn bản**

Quy định về tính kịp thời đầy đủ trong việc ban hành văn bản quy định chi tiết tại Điều 8 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP đã được cụ thể hóa tại Điều 1 Thông tư số 14/2014/TT-BTP. Theo đó, việc xem xét, đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản ở địa phương là xem xét, đánh giá về ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hành chính để đôn đốc, hướng dẫn, triển khai thực hiện, cụ thể đánh giá như sau:

*- Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc rà soát, lập dự kiến danh mục, việc ban hành chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản do Ủy ban nhân dân ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành (Hội đồng nhân dân cùng cấp);*

*- Đánh giá tính đầy đủ của văn bản so với số nội dung được giao;*

*- Đánh giá tiến độ của việc ban hành văn bản trên cơ sở so sánh với thời điểm dự kiến cần phải ban hành theo chương trình, kế hoạch;*

*- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ xây dựng văn bản.*

 **Các bước thực hiện:**

*Thứ nhất,* Các cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân (đối với cấp xã thì công chức cấp xã) có trách nhiệm xây dựng, trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải thường xuyên cập nhật tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên về ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình để kịp thời rà soát nội dung quy định giao quyền trong các Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp...

*- Ví dụ 1:* Luật Bảo vệ môi trường năm 2014

Khoản 3 Điều 118 quy định: *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương”*.

*- Ví dụ 2:* Luật Khoáng sản năm 2010

Điểm a Khoản 1 Điều 81 quy định: *“Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản tại địa phương”.*

*- Ví dụ 3:* Luật Đất đai năm 2013

Khoản 5 Điều 129 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”*

*- Ví dụ 4:* Luật Ngân sách nhà nước năm 2015

Khoản 3 Điều 30 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: *“Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương”.*

Mục đích của việc rà soát nhằm nắm được số lượng, hình thức và tên văn bản cũng như trách nhiệm của từng chủ thể trong việc ban hành văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp chậm ban hành thì cần nêu rõ và đánh giá nguyên nhân chậm và đề xuất phương án xử lý.

 *Thứ hai,* rà soát, đối chiếu chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh (Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Chương trình xây dựng Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh), của cấp huyện và cấp xã (nếu có); Kế hoạch công tác của tỉnh, huyện, xã. Nội dung chương trình, kế hoạch nêu rõ số lượng, hình thức, tên văn bản cần được xây dựng, ban hành, thời hạn ban hành và trách nhiệm của các cơ quan trong việc xây dựng, ban hành văn bản. Căn cứ vào các chương trình, kế hoạch nêu trên, các cơ quan theo dõi thi hành pháp luật nắm bắt được về số lượng, hình thức và tên văn bản chưa được ban hành và ban hành chậm tiến độ. Trên cơ sở đó đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết được quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 1 Thông tư số 14/2014/TT-BTP.

*- Thứ ba,* qua công tác theo dõi thi hành pháp luật, phát hiện và chỉ ra những quy định của pháp luật không thể thực hiện trên thực tế hoặc có nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện mà nguyên nhân dẫn đến thực trạng đó là do các quy định pháp luật còn quy định chung chung, cần phải quy định cụ thể hơn thì mới có thể thực hiện trên thực tế. Ngoài những khó khăn, vướng mắc chung (như văn bản ban hành không đảm bảo tính khả thi; chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; khó khăn trong đảm bảo nguồn lực thực hiện), đề nghị đánh giá những khó khăn vướng mắc mà nguyên nhân là sự phối hợp liên ngành để thực hiện chưa đồng bộ hoặc còn chồng chéo.

*- Thứ tư,* qua công tác theo dõi thi hành pháp luật, chủ thể theo dõi thi hành pháp luật phát hiện và chỉ ra những văn bản quy phạm pháp luật hoặc những quy định pháp luật cụ thể không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và tính khả thi không cao, từ đó kiến nghị các biện pháp khắc phục. Tính thống nhất, đồng bộ cần được xem xét từ khía cạnh nội tại trong hệ thống các văn bản được quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; cũng như hệ thống văn bản này với các văn bản thuộc lĩnh vực khác có liên quan.

**1.2. Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản**

Việc xem xét, đánh giá về tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của văn bản có thể dựa trên một số nguồn thông tin sau:

- Thông tin của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức trực tiếp tổ chức thi hành văn bản;

- Kết quả của hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật;

- Kết quả của hoạt động hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính;

- Phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội…

**Các bước thực hiện:**

*Thứ nhất,* Việc xem xét, đánh giá về tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở xem xét, đối chiếu các quy định của văn bản quy phạm pháp luật với các quy định của Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, bao gồm cả điều ước quốc tế mà Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký hoặc gia nhập theo Điều 147 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó văn bản quy phạm pháp luật phải theo các tiêu chí sau:

- Văn bản quy phạm pháp luật phải được ban hành đúng căn cứ, đúng thẩm quyền về hình thức và thẩm quyền về nội dung.

- Văn bản quy phạm pháp luật phải được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Hình thức của văn bản quy phạm pháp luật, bố cục, thể thức kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp với quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định của pháp luật về hình thức, bố cục, thể thức kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.

- Văn bản quy phạm pháp luật không được thực hiện ủy quyền tiếp hoặc quy định những nội dung vượt quá hoặc mở rộng hơn so với quy định của văn bản giao quyền.

- Nội dung của văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp với tinh thần và quy định của Hiến pháp; phù hợp với nguyên tắc của pháp luật về bản chất của nhà nước, chế độ kinh tế, nghĩa vụ cơ bản của công dân, vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan nhà nước…. Nội dung của văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp với nội dung của các văn bản do cơ quan nhà nước cấp trên ban hành, văn bản giao quyền, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, không mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản khác. Văn bản quy phạm pháp luật không được quy định những vấn đề ngoài phạm vi của văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy định những vấn đề không thuộc thẩm quyền của chủ thể ban hành văn bản quy phạm pháp luật...

*Thứ hai,* Việc xem xét, đánh giá về tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện trên cơ sở:

- Xem xét, đối chiếu các nội dung của văn bản quy phạm pháp luật với nhau;

- Xem xét, đối chiếu các nội dung của văn bản quy phạm pháp luật với nội dung của văn bản quy phạm pháp luật khác do chính cơ quan nhà nước đó ban hành;

- Xem xét, đối chiếu các nội dung của văn bản quy phạm pháp luật với nội dung văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan khác cùng cấp ban hành.

**1.3. Đánh giá tính khả thi của văn bản**

Tương tự như khi xem xét tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của văn bản quy phạm pháp luật, khi xem xét đến tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật, chúng ta có thể dựa trên một số nguồn thông tin sau:

- Thông tin của các cơ quan, đơn vị trực tiếp tổ chức thi hành văn bản;

- Kết quả của hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật;

- Kết quả của hoạt động hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính;

- Phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội;

- Thông tin từ các văn bản góp ý, thẩm định, thẩm tra, các báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến...

Theo Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, tính khả thi của văn bản được đánh giá trên cơ sở xem xét các nội dung cơ bản sau đây:

- Sự phù hợp của các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, truyền thống văn hóa và phong tục tập quán:Theo đó cần xem xét, đánh giá sự phù hợp của các cơ chế, chính sách quy định trong văn bản quy phạm pháp luật đối với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, phong tục tập quán, ý thức chấp nhận của người dân và các điều kiện thực tiễn thi hành các quy định đó.

- Sự phù hợp của các quy định của văn bản quy phạm pháp luật với các điều kiện thực tế về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, nguồn tài chính để tổ chức đưa các quy định đó đi vào cuộc sống.

- Sự hợp lý của các biện pháp giải quyết vấn đề và chế tài xử lý: sự toàn diện của các biện pháp, sự tương xứng, hợp lý của các chế tài trong văn bản quy phạm pháp luật so với yêu cầu giải quyết vấn đề; mức độ đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, sự hài hòa về lợi ích giữa các chủ thể.

- Sự rõ ràng của các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và trình tự, thủ tục thực hiện. Các quy định của văn bản quy phạm pháp luật phải phù hợp với chủ trương cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân;

- Sự rõ ràng, cụ thể của các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm dễ hiểu và được áp dụng một cách thống nhất, thuận tiện khi thực hiện và áp dụng.

Khi xem xét, đánh giá tình hình xây dựng, ban hành văn bản thì cơ quan theo dõi cần xem xét, đánh giá, xác định rõ những kết quả đã đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó. Bên cạnh đó, cần có sự so sánh với các giai đoạn trước đó để làm rõ hơn, đồng thời có các đề xuất, kiến nghị các giải pháp.

**2. Xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật**

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, việc xem xét, đánh giá về tình hình bảo đảm các điều kiện cần thiết cho thi hành pháp luật được thực hiện theo các nội dung sau đây:

- Tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật.

- Tính phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật.

- Mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật.

Tại Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, quy định nội dung xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật như sau:

*“1. Căn cứ nguồn thông tin quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 2 Thông tư này, cơ quan chuyên môn xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật theo các nội dung cơ bản sau đây:*

*a) Xác định nhu cầu tập huấn, phổ biến pháp luật đối với từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể, đối chiếu với các hoạt động, nội dung, hình thức, đối tượng tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện, đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật, tác động của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật đến ý thức tuân thủ và mức độ nâng cao nhận thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tập huấn pháp luật, gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp;*

*b) Xác định nhu cầu về tổ chức bộ máy, số lượng, tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đối chiếu với tình hình thực tế, đánh giá về sự phù hợp của tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực, kiến nghị việc bảo đảm về tổ chức, biên chế và nguồn nhân lực, gửi cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ cùng cấp để tổng hợp, xử lý, đồng thời gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp chung;*

*c) Xác định nhu cầu về kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đối chiếu với thực trạng bảo đảm, đánh giá về mức độ đáp ứng của việc bảo đảm, kiến nghị việc bảo đảm kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất, gửi cơ quan phụ trách công tác tài chính cùng cấp để tổng hợp, xử lý, đồng thời gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp chung.*

*2. Cơ quan tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ và cơ quan phụ trách công tác tài chính cùng cấp tổng hợp, phân tích, xem xét các kiến nghị được quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý”.*

**2.1. Về hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật**

Tập huấn, phổ biến pháp luật được coi như là một công đoạn đầu tiên trong tổ chức thi hành pháp luật. Để một văn pháp quy phạm pháp luật hay một quy định pháp luật được thực thi trên thực tế, thì trước tiên văn bản và quy định đó phải được phổ biến để các cơ quan, tổ chức và cá nhân biết được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình. Thực tế tổ chức thi hành pháp luật cho thấy, công tác tập huấn, phổ biến văn bản pháp luật, đặc biệt là văn bản mới được ban hành có vai trò rất quan trọng, nhằm hướng dẫn cán bộ, nhân dân thực hiện các quy định pháp luật một cách nghiêm chỉnh, chính xác và thống nhất. Tùy thuộc vào mục đích, đối tượng khác nhau, công tác tập huấn, phổ biến pháp luật được thực hiện với nhiều hình thức, phương pháp và nội dung phù hợp. Việc tập huấn cho cán bộ, công chức có trách nhiệm thi hành pháp luật có thể tiến hành bằng nhiều hình thức như tổ chức hội nghị quán triệt, mở lớp bồi dưỡng, biên soạn tài liệu, kiểm tra sự hiểu biết của cán bộ, công chức về lĩnh vực pháp luật mà họ phụ trách… Đối với nhân dân, các hình thức phổ biến pháp luật chủ yếu như: Họp báo, thông cáo báo chí; phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa - nô, áp - phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư; tổ chức thi tìm hiểu pháp luật… Ngoài ra, có các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật chủ yếu cho từng đối tượng đặc thù. Hiệu quả của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật phụ thuộc vào các phương pháp, hình thức, nội dung và đối tượng phổ biến pháp luật. Để đánh giá về công tác tập huấn, phổ biến pháp luật, cơ quan theo dõi thi hành pháp luật cần đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ và phù hợp của hoạt động này.

Định lượng về kết quả phổ biến giáo dục pháp luật là yêu cầu tương đối khó do cần phải đầu tư nguồn lực, thời gian và chỉ có thể tập trung vào một số quy định nhất định; đồng thời kết quả chuyển biến chỉ biểu hiện sau một thời gian tương đối dài. Trong điều kiện nguồn lực có hạn, khuyến khích việc điều tra, khảo sát và tập trung chuyên sâu vào một số quy định để đánh giá mức độ chuyển biến và ảnh hưởng tích cực của công tác phổ biến giáo dục pháp luật đối với việc nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật.

**2.2. Về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật**

Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành pháp luật luôn gắn liền với việc giao trách nhiệm thực hiện cho một tổ chức với nguồn nhân lực cụ thể. Tùy thuộc vào tính chất và khối lượng công việc mà có mô hình tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực phù hợp. Pháp luật chỉ có thể được thực hiện một cách đầy đủ và nghiêm minh khi có tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Quá trình thực hiện công theo dõi thi hành pháp luật, cơ quan theo dõi thi hành pháp luật cần đánh giá sự phù hợp của tổ chức bộ máy với khối lượng và tính chất công việc, đưa ra kiến nghị đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bố trí, sắp xếp một cách phù hợp để bảo đảm cho pháp luật được thực hiện.

**2.3. Về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật**

Vấn đề tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất và trang thiết bị là một yếu tố không thể thiếu trong việc bảo đảm cho pháp luật có thể thực thi trên thực tế. Mức độ hợp lý của việc đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất và trang thiết bị có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả và tính khả thi của pháp luật. Cơ quan thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật phải xem xét, đánh giá nhu cầu đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm cho việc thi hành đối với từng văn bản quy phạm pháp luật hoặc từng quy định pháp luật cụ thể; đối chiếu với sự đầu tư trên thực tế, từ đó kiến nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có sự đầu tư một cách phù hợp, đáp ứng yêu cầu đặt ra.

 *- Ví dụ 1:* Điều kiện về kinh phí không bảo đảm cho việc thi hành pháp luật

Theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP thì kinh phí cho công tác theo dõi thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị. Việc lập dự toán, phân bổ kinh phí được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành. Quy định này chỉ xác định về mặt nguyên tắc, mà không quy định cụ thể nội dung chi, định mức chi đặc thù; không giao Bộ, ngành có liên quan ban hành Thông tư hướng dẫn. Theo báo cáo của các huyện, thành phố thì đối với cấp huyện, cấp xã nguồn thu ngân sách rất hạn chế, phụ thuộc chủ yếu vào hỗ trợ ngân sách cấp trên. Vì vậy, kinh phí chi bảo đảm cho hoạt động theo dõi thi hành pháp luật của cấp huyện, cấp xã chưa được bố trí. Điều này đã làm cho việc thi hành pháp luật trên địa bàn không thực hiện kịp thời và đầy đủ.

**a) Xem xét, đánh giá các điều kiện bảo đảm cho thi hành pháp luật**

Điều 11, Điều 12 và Điều 13, Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP quy định các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, qua đó xem xét, đánh giá các điều kiện bảo đảm cho thi hành pháp luật. Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP đã quy định cụ thể hơn các quy định về nội dung này.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP căn cứ các nguồn thông tin sau để làm cơ sở cho việc cơ quan chuyên môn xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật:

- Kết quả hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật;

- Kết quả của hoạt động hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính;

- Phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội.

Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật là hoạt động rất quan trọng trong theo dõi thi hành pháp luật. Tính khách quan, chính xác của các thông tin có tính chất quyết định đến tính khách quan, chính xác của hoạt động xem xét, đánh giá về các điều kiện bảo đảm cho thi hành pháp luật.

**b) Xử lý kết quả theo dõi tình hình các điều kiện bảo đảm cho thi hành pháp luật**

Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 14/2014/TT-BTP quy định Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp- Hộ tịch cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ và cơ quan phụ trách công tác tài chính cùng cấp tổng hợp, phân tích, xem xét các kiến nghị, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Nội dung xử lý kết quả theo dõi tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật gồm thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật.

**3. Xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật**

**3.1. Nội dung yêu cầu**

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, việc xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật được thực hiện theo các nội dung sau đây:

- Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

- Tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

- Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Theo Điều 5 Thông tư số 14/2014/NĐ-CP, việc xem xét, đánh giá và xử lý thông tin tình hình tuân thủ pháp luật được quy định như sau:

*“1. Căn cứ nguồn thông tin quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 2 Thông tư này, cơ quan chuyên môn xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật như sau:*

*a) Phát hiện, lập danh mục các quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật chưa được cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thi hành kịp thời, đầy đủ,**hướng dẫn chưa chính xác hoặc thiếu thống nhất; các quyết định áp dụng pháp luật do cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền ban hành có vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, không bảo đảm tính chính xác; các vi phạm pháp luật phổ biến trong từng lĩnh vực cụ thể;*

*b) Đánh giá nguyên nhân của tình hình vi phạm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo các tiêu chí về nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, công tác tổ chức thi hành pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các nguyên nhân khác;*

*c) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp để kịp thời tổ chức thi hành văn bản pháp luật đã có hiệu lực; xử lý các vi phạm nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn và áp dụng pháp luật; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.*

*2. Cơ quan tư pháp phân tích, xem xét, tổng hợp các kiến nghị được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý”.*

**3.2. Nội dung thực hiện**

- Trách nhiệm của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền là thi hành các quy định của pháp luật một cách đầy đủ, kịp thời. Việc thi hành pháp luật một cách chậm trễ và không đầy đủ của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền trong nhiều trường hợp sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của người dân. Để đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc thi hành pháp luật, cơ quan thực hiện theo dõi thi hành pháp luật cần chỉ ra những quy định, những vụ việc cụ thể không được các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thi hành một cách kịp thời, đầy đủ, tìm ra nguyên nhân và kiến nghị các biện pháp khắc phục.

- Cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền áp dụng pháp luật thông qua việc ban hành các quyết định áp dụng pháp luật (bản án của Tòa án, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định hành chính khác của các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền). Vì vậy, tính thống nhất, chính xác trong áp dụng pháp luật thể hiện ở tính thống nhất, chính xác của các quyết định hành chính được ban hành. Để đánh giá tình hình áp dụng pháp luật, các cơ quan thực hiện theo dõi thi hành pháp luật cần thu thập các thông tin về việc ban hành các quyết định áp dụng pháp luật, trong đó cần chỉ ra cụ thể các quyết định của các cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, các quyết định không bảo đảm tính chính xác theo quy định; các quyết định áp dụng pháp luật không đảm bảo quyền lợi của người dân, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

- Tình hình tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân có thể được xem xét, đánh giá thông qua nhiều tiêu chí và yếu tố khác nhau, song việc đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật rõ ràng, cụ thể và chính xác nhất là thông qua việc xem xét, đánh giá về tình hình vi phạm pháp luật. Trách nhiệm của các cơ quan thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật là phải nắm bắt được các thông tin, số liệu về tình hình vi phạm pháp luật, mức độ vi phạm, các loại hành vi vi phạm pháp luật điển hình nổi lên trong từng thời kỳ, tìm ra nguyên nhân của tình hình vi phạm, từ đó đưa ra kiến nghị về các giải pháp hạn chế vi phạm pháp luật. Những thông tin, số liệu vi phạm pháp luật chính xác và tin cậy nhất là các thông tin, số liệu được chính các cơ quan và người có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật cung cấp (đối với các vi phạm pháp luật hình sự cần lấy từ cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát; đối với các vi phạm hành chính cần lấy từ các cơ quan và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định...). Bên cạnh những thông tin, số liệu về tình hình vi phạm pháp luật, các cơ quan theo dõi thi hành pháp luật có thể thu thập các thông tin về tình hình vi phạm pháp luật do các cơ quan, tổ chức cá nhân cung cấp hoặc do các phương tiện thông tin đại chúng phản ánh. Tuy nhiên, các thông tin này chỉ được sử dụng để đánh giá tình hình thi hành pháp luật sau khi đã được đối chiếu, kiểm tra và khẳng định về tính chính xác, khách quan.

*+ Ví dụ 1:* Quy định điển hình có mức độ tuân thủ cao**.**

Theo Nghị quyết số 32/2007/NQ-CP ngày 29/6/2007 của Chính phủ về một số giải pháp cấp bách nhằm kiềm chế tai nạn giao thông, thì từ ngày 15/9/2007, người đi mô tô, xe máy trên tất cả các tuyến quốc lộ sẽ bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm và kể từ ngày 15/12/2007, người điều khiển, mô tô, xe máy trên tất cả các tuyến đường quốc lộ đều bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm.

Ngày 08/8/1994, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 406/CT-TTg về việc cấm sản xuất, buôn bán và đốt pháo.Theo đó, kể từ ngày 01/01/1995 nghiêm cấm sản xuất, buôn bán và đốt các loại pháo nổ, thuốc pháo nổ trong phạm vi cả nước (trừ các loại pháo hoa và thuốc làm pháo hoa). Nghiêm cấm việc nhập khẩu các loại pháo, các loại thuốc pháo và nguyên liệu làm pháo từ nước ngoài vào Việt Nam. Mọi loại pháo nước ngoài đang được buôn bán trên thị trường Việt Nam đều bị tịch thu và tiêu hủy và thu hồi giấy phép kinh doanh, nếu gây hậu quả nghiêm trọng phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*+ Ví dụ 2:* Quy định điển hình có mức độ tuân
thủ thấp.

Theo Điều 6, thông tư 57/2015/TT-BCA ngày 26/10/2015 của Bộ Công an hướng dẫn về trang bị cháy và chữa cháy quy định ô tô từ 4 chỗ ngồi trở lên, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc chở khách được kéo bởi xe ô tô, máy kéo phải trang bị phương tiện phòng cháy chữa cháy.

Trong quá trình xem xét, đánh giá, đề nghị tập trung vào các quy định có mức độ tuân thủ thấp; nêu, đánh giá nguyên nhân (chẳng hạn do quy định của pháp luật không khả thi, do yếu kém trong tổ chức thi hành, do chưa đáp ứng yêu cầu thực tế hoặc nguyện vọng của số đông người dân...) đồng thời đề xuất biện pháp xử lý.

**III. CÁCH THỨC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật là một công cụ cần thiết, thể hiện nguyên tắc công khai, minh bạch, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị và huy động sự tham gia của xã hội, cho nên khi tham mưu xây dựng kế hoạch thì tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp- Hộ tịch cấp xã cần nghiên cứu xây dựng kế hoạch sao cho phù hợp với yêu cầu chung của Thủ tướng Chính phủ, các lĩnh vực ưu tiên của các Bộ, đồng thời chú trọng theo dõi các lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm với những vấn đề bức xúc, vấn đề nóng của cơ quan, đơn vị, cụ thể:

- Trách nhiệm xây dựng Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã:

+ Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương, hàng năm Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu cho Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành.

+ Căn cứ Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh và thực tiễn thi hành pháp luật ở địa phương, hàng năm Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

+ Căn cứ Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Uỷ ban nhân dân cấp huyện và thực tiễn thi hành pháp luật ở địa phương mình, hàng năm công chức Tư pháp- Hộ tịch cấp xã chủ trì, phối hợp với công chức chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

Ngoài ra, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện căn cứ Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và thực tiễn thi hành pháp luật, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý ngành có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành.

- Nội dung chủ yếu của Kế hoạch gồm: (1) Mục đích, yêu cầu của Kế hoạch; (2) Lĩnh vực pháp luật theo dõi, đánh giá; (3) Các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật và tiến độ thực hiện; (4) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện Kế hoạch; (5) Kinh phí thực hiện Kế hoạch.

- Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho Bộ Tư pháp; Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho Sở Tư pháp; Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi cho Phòng Tư pháp để theo dõi chung.

**2. Thu thập, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật**

Để bảo đảm hiệu quả của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, việc thu thập và xử lý thông tin cần thực hiện theo một số yêu cầu sau đây:

*Thứ nhất:* Thu thập, xử lý thông tin cần phải đảm bảo tính khoa học, khách quan, đảm bảo tính pháp lý, giá trị thực tiễn của các thông tin. Cần phải khai thác từ nhiều kênh, nguồn thông tin như: Qua nguồn tư liệu chính thống của các cơ quan Đảng, Nhà nước; qua phản ánh của cá nhân, tổ chức; qua các cơ quan thông tấn báo chí, mạng internet, dư luận xã hội; các cơ quan, đơn vị quản lý, trực tiếp thực hiện nhiệm vụ được giao; qua hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân kết hợp với công tác điều tra, khảo sát cũng như kết quả của hoạt động thanh tra, kiểm tra...

*Thứ hai:* Trên cơ sở tập hợp, chú ý công tác tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin để có thể nhìn nhận sâu sắc, khách quan và toàn diện các vấn đề của thực tiễn. Cần thu thập và xử lý thông tin nhiều chiều, không nên tuyệt đối hóa bất kỳ một nguồn thông tin nào; cần đối chiếu, sàng lọc kỹ càng để loại bỏ những thông tin không chính xác, đồng thời xác định mức độ bức xúc, nổi cộm, đề xuất biện pháp xử lý phù hợp. Thu thập và sử dụng các thông tin phải đảm bảo được tính khách quan.

*Thứ ba:* Khi thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin phải bảo đảm tính tính toàn diện, không những chỉ quan tâm, xem xét đến những vấn đề bức xúc, các vấn đề còn nhiều khó khăn, bất cập mà còn phải quan tâm đến những ưu điểm, những sáng kiến để nhân rộng và thực hiện trên phạm vi rộng hơn. Khi xây dựng chương trình và kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật chú ý những yếu tố đảm bảo cho hoạt động theo dõi thi hành pháp luật đi vào trọng tâm, trọng điểm, không trùng, không sót và có hiệu quả.

Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP thì thông tin về tình hình thi hành pháp luật bao gồm các nội dung sau:

- Số lượng, hình thức và tên văn bản quy phạm pháp luật; số lượng, hình thức và tên văn bản quy phạm pháp luật ban hành chậm tiến độ và lý do chậm tiến độ; số lượng văn bản không thống nhất, không đồng bộ và tính khả thi không cao;

- Nội dung, hình thức tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện; thực trạng về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, các điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật;

- Tình hình hướng dẫn áp dụng pháp luật, tình hình áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền;

- Tình hình xử lý vi phạm pháp luật.

**2.1. Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật**

Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc tiếp nhận các thông tin liên quan đến tình hình thi hành pháp luật, phân tích, xử lý thông tin để từ đó đưa ra các nhận định, đánh giá, đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của công tác thi hành pháp luật. Thu thập, xử lý thông tin phải đảm bảo tính khoa học, khách quan, đảm bảo tính pháp lý của các thông tin, phải chú ý công tác tổng hợp, kết nối thông tin với nhau để rút ra những điểm quan trọng, những vấn đề nổi cộm được dư luận quan tâm chứ không đơn thuần chỉ là việc tập hợp, cộng dồn các thông tin. Đặc biệt quan tâm đến những thông tin phản hồi của nhân dân, của dư luận quần chúng, của các cơ quan quản lý hay của các tổ chức được giao thực hiện đối với các chính sách, biện pháp mà pháp luật quy định.

Thu thập thông tin chính xác sẽ giúp cho việc đánh giá tình hình thi hành pháp luật vừa bao quát, vừa có trọng tâm, trọng điểm, đúng, trúng, sát thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đồng thời cũng giúp cho việc xây dựng kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật được cụ thể, sát với yêu cầu của nhiệm vụ. Ngược lại nếu không có thông tin hoặc thông tin không đầy đủ, thiếu chính xác sẽ có những tác động, ảnh hưởng đến việc đánh giá kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, dẫn đến việc đề xuất, kiến nghị để thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật không đáp ứng yêu cầu.

Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, thì thông tin về tình hình thi hành pháp luật được thu thập từ 02 nguồn chủ yếu: (1) Từ báo cáo của các cơ quan nhà nước; (2) Các thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp.

Việc thu thập thông tin từ báo cáo của các cơ quan nhà nước được thực hiện theo các nội dung sau đây:

- Số lượng, hình thức và tên văn bản quy phạm pháp luật; số lượng, hình thức và tên văn bản quy phạm pháp luật ban hành chậm tiến độ và lý do chậm tiến độ; số lượng văn bản không thống nhất, không đồng bộ và tính khả thi không cao;

- Nội dung, hình thức tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện; thực trạng về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, các điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật;

- Tình hình hướng dẫn áp dụng pháp luật, tình hình áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền;

- Tình hình xử lý vi phạm pháp luật.

Đối với các thông tin do các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin do các cơ quan, cá nhân cung cấp, việc cung cấp thông tin có thể do các cơ quan tổ chức cá nhân phản ánh trực tiếp với cơ quan có thẩm quyền (đơn, thư phản ánh...) hoặc đăng tải qua trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

Nguồn thông tin phục vụ hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật được chia thành hai dạng: nguồn thông tin chính thống và nguồn thông tin không chính thống:

 **Nguồn thông tin chính thống:** Đó là thông qua các báo cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Báo cáo ở đây có thể là báo cáo định kỳ công tác hàng năm, báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo theo chuyên đề, báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

 Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương mình; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện việc báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp. Ngoài các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện báo cáo tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành đến Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để tổng hợp chung báo cáo của cấp tỉnh, cấp huyện.

Ngoài các hình thức báo cáo trên thì báo cáo kết quả điều tra khảo sát, báo cáo kết quả của các cuộc thanh tra, kiểm tra cũng là một trong những nguồn thông tin mà cơ quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật căn cứ để thu thập, xử lý thông tin để đánh giá về tình hình thi hành pháp luật.

Đối với nguồn thông tin này, cơ quan tiếp nhận thông tin có thể sử dụng, trích dẫn các thông tin đã được nêu trong báo cáo.

**Nguồn thông tin không chính thống**: Đó là các thông tin thu được qua phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng, qua phản ánh của các cơ quan, tổ chức cá nhân. Đây là nguồn thông tin mở, phản ánh đa chiều, có nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau, vì vậy, khi tiếp nhận thông tin, người sử dụng cần phải kiểm tra độ tin cậy của thông tin, tính khoa học, tính chính xác của thông tin. Khi thông tin đã được kiểm tra, kiểm chứng và khẳng định được tính chính xác của thông tin thì cơ quan có thẩm quyền mới được sử dụng thông tin phục vụ cho việc đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

Việc kiểm tra, đối chiếu thông tin được dựa vào các nguồn thông tin chính thống đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố, đó chính là các báo cáo, các công trình, đề tài nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, đối với các thông tin mang tính phản ánh thì chỉ sử dụng khi đã được cơ quan nhà nước điều tra, xác minh (các phóng sự điều tra, các kết luận điều tra, thanh tra, kiểm tra...).

Bên cạnh các nguồn thông tin thu được qua báo cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, qua phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức, cá nhân thì kết quả của hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát cũng là một trong những nguồn thông tin mà Ủy ban nhân dân các cấp có thể sử dụng để thực hiện việc đánh giá tình hình thi hành pháp luật. Nguồn thông tin này cũng được xem như là một công cụ để kiểm chứng tính chính xác, độ tin cậy của các báo cáo, phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức, cá nhân.

*Ví dụ:* Một báo cáo về tình hình thi hành pháp luật đưa ra thông tin việc triển khai công tác theo dõi thi hành pháp luật tại địa phương được triển khai bài bản, theo đúng yêu cầu. Tình hình thi hành pháp luật tại địa phương tốt, không có các điểm nóng, các vấn đề nổi cộm dẫn tới khiếu kiện, không có các vi phạm pháp luật... Tuy nhiên, khi thực hiện việc kiểm tra thì kết quả cho thấy việc triển khai công tác theo dõi thi hành tại địa phương vẫn còn một số hạn chế như: Hàng năm không ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật, mới chỉ dừng ở việc tổng hợp báo cáo mà không thực hiện việc kiểm tra, điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật hoặc thậm chí không báo cáo chính xác tình hình thi hành pháp luật ở địa phương mình... Chính vì vậy, thông tin đưa ra ở báo cáo đôi khi còn mang tính chủ quan và chưa thể hiện được thực trạng thi hành pháp luật tại địa phương.

Tương tự, về mức độ tuân thủ pháp luật, tuy báo cáo đánh giá là mức độ tuân thủ cao nhưng qua kết quả điều tra, khảo sát, kết quả xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền cho thấy có nhiều vi phạm, số lượng quyết định xử lý vi phạm hành chính nhiều chứng tỏ đánh giá chưa chính xác... Chính vì vậy việc thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật cần phải được tiến hành dưới nhiều hình thức đa dạng.

**2.2. Xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật**

Trên cơ sở kết quả thông tin được thu thập từ báo cáo của các cơ quan có thẩm quyền, trên các phương tiện thông tin đại chúng, phản ánh của các cá nhân, tổ chức có liên quan, người tập hợp xử lý thông tin cần phân loại thông tin.

Đối với nguồn thông tin chính thống: Đây là nguồn thông tin có độ tin cậy có thể sử dụng trực tiếp như: Báo cáo, các thông tin được đăng tải trên các website của Đảng, Chính phủ, của các Bộ, ngành, địa phương…

Đối với nguồn thông tin không chính thống: Đó là các thông tin được đăng tải, phản ánh trên các phương tiện thông tin như báo chí, internet, qua phản ánh của tổ chức, cá nhân. Đối với nguồn thông tin này, người tổng hợp cần kiểm tra, đối chiếu tính chính xác của thông tin trước khi sử dụng.

Để thực hiện tốt việc xử lý thông tin, trước hết cần xác định mục đích, yêu cầu của xử lý thông tin. Theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, thì thông tin về tình hình thi hành pháp luật được thu thập trên cơ sở: (1) Số lượng, hình thức và tên văn bản quy phạm pháp luật; số lượng, hình thức và tên văn bản ban hành chậm tiến độ và lý do chậm tiến độ; số lượng văn bản không thống nhất, không đồng bộ và tính khả thi không cao; (2) Nội dung, hình thức tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện; thực trạng về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, các điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật; (3) Tình hình hướng dẫn áp dụng pháp luật, tình hình áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; (4) Tình hình xử lý vi phạm pháp luật.

Như vậy, việc xử lý thông tin cần bám sát các nội dung, nguồn thông tin đã có, trong đó đặc biệt chú trọng tới các nội dung trọng tâm, trọng điểm đã được đặt ra (lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm theo dõi tình hình thi hành pháp luật được xác định cụ thể trong Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật; các nội dung cần tập trung đánh giá được thể hiện trong Kế hoạch và yêu cầu xây dựng báo cáo về tình hình thi hành pháp luật).

*Ví dụ:* Năm nay tập trung đánh giá lĩnh vực đất đai, trong đó chỉ tập trung vào việc thu hồi đất. Với yêu cầu đó, chúng ta sẽ tập trung đánh giá thực trạng thi hành pháp luật trong lĩnh vực thu hồi đất, các khó khăn, vướng mắc trong thi hành. Nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc là do các quy định không khả thi, bất cập dẫn tới không thực hiện được hay do vấn đề triển khai thực hiện. Tình hình vi phạm, nguyên nhân của vi phạm. Từ việc xác định mục tiêu như vậy, sẽ tập trung vào việc thu thập các nội dung, thông tin liên quan tới lĩnh vực đã lựa chọn, tiếp đó, chúng ta sẽ phân tích, đánh giá các thông tin, phân loại các thông tin để từ đó đưa ra các nhận định, đánh giá và đề ra các giải pháp.

Đối với mỗi loại thông tin cần có cách thức xử lý khác nhau:

- Đối với nguồn thông tin thu được qua các báo cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Đây được coi là nguồn thông tin chính thống, được đảm bảo bằng tính hành chính nhà nước, vì vậy đối với dạng thông tin này, về nguyên tắc chúng ta có thể sử dụng các thông tin đã được đưa ra để làm nguồn trích dẫn cũng như luận cứ để đưa ra các nhận định, đánh giá.

Đối với loại thông tin này, trong quá trình xử lý thông tin chúng ta cần lưu ý tới mục đích của việc xử lý, đó là xử lý thông tin để đánh giá về tình hình thi hành pháp luật trong một lĩnh vực cụ thể hay xử lý thông tin để đánh giá về theo dõi tình hình thi hành pháp luật nói chung. Đối với báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật chung thì chúng ta cần có sự nhìn nhận đánh giá tổng thể, bao quát hơn để từ đó nhận định các vấn đề mang tính vĩ mô, liên ngành.

Còn đối với báo cáo kết quả điều tra khảo sát: Đây được xem như là một trong những công cụ góp phần đánh giá, kiểm chứng hiệu quả của công tác theo dõi thi hành pháp luật. Trên cơ sở của kết quả khảo sát, qua các số liệu cụ thể, chúng ta nhận diện được các vấn đề mà chúng ta quan tâm, tìm hiểu. Khi xử lý đối với nguồn thông tin này, bên cạnh mặt thuận lợi là có các số liệu cụ thể để đánh giá, đối chiếu, so sánh nhưng cũng cần lưu ý đến tính đại diện. Liệu các con số đó đã đủ để đại diện chưa và thực chất vấn đề có phải chỉ nằm ở những con số.

*Ví dụ:* Để đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực thuế, qua khảo sát cho thấy có nhiều vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thuế diễn ra (trốn thuế), như vậy cho thấy ý thức tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân chưa cao. Tuy nhiên, không thể chỉ dựa vào thông tin đó để đánh giá hiệu quả của công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong lĩnh vực thuế chưa tốt, bởi có thể tổ chức, cá nhân hiểu và nắm vững quy định pháp luật về thuế rất tốt nhưng vì lợi ích họ cố tình vi phạm…

- Đối với các nguồn thông tin thu thập qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua phản ánh của các tổ chức, cá nhân thì cần kiểm chứng tính chính xác của các thông tin mới được sử dụng.

**3. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật**

**3.1. Ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật**

Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật là một công cụ quan trọng để thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật vì:

- Xuất phát từ chức năngvai trò của Chính phủ và hệ thống cơ quan hành chính trong quản lý toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội với phạm vi rộng trong tất cả các lĩnh vực, địa bàn và trong phạm vi cả nước và từng địa phương.

- Hoạt động thi hành pháp luật trực tiếp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân; trực tiếp ảnh hưởng đến quyền con người, quyền công dân.

**3.2. Mục đích của kiểm tra tình hình thi hành pháp luật**

Hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật có mục đích sau đây:

- Kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong thi hành pháp luật.

- Kịp thời phát hiện khiếm khuyết, bất cập của hệ thống pháp luật.

“*Khó khăn”* trong thi hành pháp luật là những trở ngại khách quan, chủ quan cản trở việc thi hành pháp luật. Về phía cơ quan tổ chức thi hành pháp luật, có thể đó là nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ về quy phạm pháp luật cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật, thiếu cán bộ, kinh phí hoặc sự phối hợp của các cơ quan có liên quan còn lỏng lẻo, v.v...

*“Vướng mắc”* trong thi hành pháp luật chủ yếu là do pháp luật quy định chưa đầy đủ, nhất là các quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các quy phạm pháp luật về nội dung; việc thực hiện gặp phải sự phản ứng của người dân do quy định pháp luật thiếu tính phù hợp; sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn còn chồng chéo, không thống nhất...

*“Hạn chế”* trong thi hành pháp luật là hệ quả của các khó khăn, vướng mắc, do đó pháp luật không được thi hành, thi hành sai, thi hành không kịp thời.

*“Khiếm khuyết”* của hệ thống pháp luật là các vướng mắc trong thi hành pháp luật, chủ yếu là do sự chồng chéo, mâu thuẫn, sơ hở của các quy định pháp luật.

*“Bất cập”* của hệ thống pháp luật là sự không phù hợp của pháp luật với các điều kiện kinh tế - xã hội, làm cho quy định pháp luật không thể thực hiện.

Điều quan trọng là qua kiểm tra tình hình thi hành pháp luật cần chỉ ra các quy phạm pháp luật, các khó khăn, vướng mắc, hạn chế, khiếm khuyết, bất cập cụ thể. Kết quả kiểm tra không nêu chung chung là *“nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ về quy phạm pháp luật”, “thiếu cán bộ, kinh phí, sự phối hợp của các cơ quan có liên quan còn lỏng lẻo”* hoặc *“pháp luật chưa đầy đủ, chồng chéo, mâu thuẩn, sơ hở”*... mà cần chỉ ra các khó khăn, vướng mắc, hạn chế, khiếm khuyết, bất cập cụ thể.

Mục đích cuối cùng của kiểm tra tình hình thi hành pháp luật cũng là mục đích của theo dõi thi hành pháp luật, đó là bảo đảm cho pháp luật được tổ chức thi hành nghiêm minh, kịp thời; bảo đảm toàn bộ hoạt động thi hành pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật; kịp thời phát hiện các sai sót, vi phạm trong tổ chức thi hành pháp luật, áp dụng pháp luật, các khiếm khuyết, hạn chế của quy định pháp luật, từ đó có các giải pháp xử lý nhằm phát huy hiệu lực, hiệu quả điều chỉnh của pháp luật.

**3.3. Khái niệm kiểm tra tình hình thi hành pháp luật. Sự khác nhau giữa kiểm tra nói chung và kiểm tra tình hình thi hành pháp luật**

Hoạt động kiểm tra của các cơ quan hành chính được đặc trưng bởi tính trực thuộc của đối tượng bị kiểm tra đối với cơ quan kiểm tra, do đó luôn mang tính quyền lực, phục tùng.

Hoạt động kiểm tra được tiến hành bằng các hình thức chủ yếu:

- Qua báo cáo, đánh giá báo cáo của đối tượng kiểm tra;

- Tổ chức Đoàn kiểm tra tổng hợp hoặc theo từng chuyên đề.

Do tính trực thuộc của đối tượng kiểm tra vào chủ thể kiểm tra nên hoạt động kiểm tra có tính quyền lực cao, theo đó cơ quan thực hiện kiểm tra có quyền ra quyết định buộc đối tượng bị kiểm tra phải thi hành, có quyền đình chỉ, bãi bỏ các quyết định trái pháp luật của đối tượng bị kiểm tra, trong trường hợp cần thiết có thể áp dụng biện pháp kỷ luật đối với cá nhân, cơ quan, tổ chức vi phạm công vụ.

Như vậy, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra hành chính nói chung có những điểm giống nhau: Vừa là hoạt động hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước, vừa là hoạt động kiểm soát hoạt động hành chính. Do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện trong mối quan hệ trực thuộc. Có hình thức kiểm tra giống nhau; biện pháp xử lý kết quả kiểm tra giống nhau ở tính chất.

Sự khác nhau cơ bản giữa kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra nói chung là ở chỗ:

- Kiểm tra nói chung là kiểm tra việc chấp hành pháp luật, đường lối, chính sách, các quy tắc quản lý về ngành, lĩnh vực, tức là đi vào kiểm tra hành vi chấp hành hay không chấp hành, mức độ chấp hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với các quy định pháp luật cụ thể.

- Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật chỉ có phạm vi là nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật được quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 32/2020/NĐ-CP nhằm xem xét, đánh giá: (1) Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; (2) Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật; (3) Tình hình tuân thủ pháp luật.

**3.4. Chủ thể kiểm tra tình hình thi hành pháp luật**

Chủ thể kiểm tra tình hình thi hành pháp luật là các chủ thể theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Điều 5 của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP. Theo đó: Uỷ ban nhân dân tỉnh, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Uỷ ban nhân dân cấp xã tiến hành kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhằm kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong thi hành pháp luật và khiếm khuyết, bất cập của hệ thống pháp luật:

- Sở Tư pháp tham mưu, giúp Uỷ ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

- Phòng Tư pháp tham mưu, giúp Uỷ ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Uỷ ban nhân dân, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý của Uỷ ban nhân dân cấp huyện.

- Công chức Tư pháp- Hộ tịch tham mưu, giúp Uỷ ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các công chức chuyên môn của Uỷ ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý của Uỷ ban nhân dân cấp xã.

Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh: Phòng Pháp chế hoặc cán bộ pháp chế chuyên trách chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan chuyên môn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của ngành mình.

Khi thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, các cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của cơ quan tiến hành kiểm tra theo quy định của pháp luật.

**3.5. Nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật**

Nội dung kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện trong
khuôn khổ nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật được quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 32/2020/NĐ-CP thì nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật gồm:

 - Việc ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

- Việc bảo đảm các điều kiện về biên chế, kinh phí theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

- Việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

- Việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

- Công tác phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

- Việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm của địa phương bao gồm:

- Nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

+ Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

+ Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật;

+ Tình hình tuân thủ pháp luật.

- Nội dung xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật:

+ Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết.

+ Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản.

+ Tính khả thi của văn bản.

- Nội dung xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật:

+ Tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật.

+ Tính phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật.

+ Mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật.

- Nội dung xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật:

+ Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

+ Tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

+ Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**3.6.** **Căn cứ để quyết định việc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật**

Căn cứ để quyết định việc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật là:

- Tầm quan trọng của lĩnh vực pháp luật, văn bản pháp luật cụ thể đối với sự phát triển kinh tế- xã hội trong lĩnh vực, trên địa bàn quản lý.

- Lĩnh vực, địa bàn, cơ quan có nhiều bất cập trong thi hành pháp luật, cần tìm nguyên nhân để có biện pháp chấn chỉnh.

- Theo chỉ đạo của cơ quan nhà nước cấp trên.

**3.7. Đoàn kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, thẩm quyền của Đoàn kiểm tra**

Quyết định kiểm tra tình hình thi hành pháp luật gồm các nội dung:

- Ngày, tháng, năm ban hành quyết định;

- Căn cứ ban hành quyết định;

- Đối tượng kiểm tra;

- Nội dung kiểm tra;

- Họ, tên, chức vụ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và các thành viên; quyền hạn và trách nhiệm của đoàn kiểm tra;

- Quyền hạn và trách nhiệm của đối tượng được kiểm tra.

Theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 04/2021/TT-BTP thì Quyết định thành lập đoàn kiểm tra được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 07 ngày làm việc, trước ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra. Đoàn kiểm tra hoặc người có thẩm quyền kiểm tra xem xét, xác minh, kết luận về những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra.

**3.8. Xử lý kết quả kiểm tra tình hình thi hành pháp luật**

Theo mục đích của kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, kết quả kiểm tra chủ yếu là:

- Phát hiện khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong thi hành pháp luật.

- Phát hiện khiếm khuyết, bất cập cụ thể của hệ thống pháp luật.

- Tìm ra nguyên nhân cụ thể của khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong thi hành pháp luật.

- Kiến nghị với người đứng đầu cơ quan đã ra quyết định kiểm tra các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong thi hành pháp luật. Trong đó làm rõ trách nhiệm của cơ quan thi hành pháp luật, trách nhiệm của người có liên quan.

Đối với khiếm khuyết, bất cập của hệ thống pháp luật, Đoàn kiểm tra báo cáo để người đứng đầu cơ quan đã ra quyết định kiểm tra có văn bản chỉ đạo cơ quan có liên quan nghiên cứu xây dựng ban hành văn bản nhằm khắc phục bất cập, khiếm khuyết trong các văn bản do mình ban hành hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền về bất cập, khiếm khuyết trong văn bản do cơ quan đó ban hành.

Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra liên ngành phải có văn bản thông báo kết luận kiểm tra gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

Kết luận kiểm tra phải có các nội dung cơ bản sau đây: nhận xét, đánh giá về những kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại hạn chế trong thi hành pháp luật; kiến nghị thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; kiến nghị việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với sai phạm (nếu có) của cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thi hành pháp luật.

**4. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật**

**4.1. Mục đích điều tra, khảo sát:**

- Nhằm tìm hiểu, đánh giá thực trạng hoạt động thi hành pháp luật từ phía cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, và người dân;

- Mục tiêu cụ thể là thu thập thông tin từ phương pháp điều tra, khảo sát để trên cơ sở đó phân tích thông tin, dữ liệu và đưa ra những nhận định về thực trạng tình hình thi hành pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả thi hành và hoàn thiện chính sách, pháp luật.

**4.2. Những yêu cầu của việc điều tra, khảo sát**

- Phù hợp với Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật (về nội dung, phạm vi không gian, thời gian) và quy định của pháp luật (chức năng, nhiệm vụ, quy định tài chính; các nguyên tắc theo dõi tình hình thi hành pháp luật được liệt kê trong Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 5 của Thông tư số 04/2021/TT-BTP.

- Thông tin, dữ liệu được thu thập sát thực nhất, không trùng lặp, chồng chéo với thông tin từ các hoạt động khác (yêu cầu báo cáo, đề nghị cung cấp, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và thông tin thu thập qua các kênh khác.

**4.3. Các bước tiến hành điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật**

**a) Giai đoạn chuẩn bị**

- Xác định phạm vi (nội dung, địa bàn điều tra, khảo sát): Nội dung điều tra, khảo sát cần tập trung vào những nội dung đã quy định tại Điều 7 Nghị định 59/2012/NĐ-CP và các tiêu chí đánh giá tại các Điều 8, 9 và 10 của Nghị đNội dung có thể là lĩnh vực (đất đai, môi trường, xây dựng, an sinh xã hội) hoặc có thể là một văn bản cụ thể (như Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Đất đai, Luật Hình sự…). Việc lựa chọn địa bàn phải đảm bảo có tính đại diện cao cho các tiêu chí đã được lựa chọn trước. Việc lựa chọn địa bàn cần lưu ý tới các tiêu chí như: Địa phương liên quan (rừng, thủy sản) hoặc có nhiều cách làm mới, sáng tạo; địa bàn có vấn đề liên quan đang gây nhiều bức xúc; vùng miền (đô thị, vùng sâu, vùng xa); hoặc có đặc thù về văn hóa, tôn giáo, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội cần điều tra để biết thực trạng.

- Xác định đối tượng khảo sát: Về nguyên tắc, tất cả các chủ thể liên quan sẽ là đối tượng điều tra, khảo sát. Tuy nhiên, căn cứ vào phạm vi đã xác định và kinh phí, nhân lực cho phép mà ưu tiên lựa chọn đối tượng cho phù hợp nhất.

- Xác định phương pháp điều tra: Căn cứ vào từng nhóm đối tượng để xác định phương pháp điều tra cho phù hợp như đối với nhóm đối tượng nào thì cần gửi bảng hỏi, đối tượng nào thì phỏng vấn trực tiếp, đối tượng nào thì mời tham dự tọa đàm …

- Xây dựng mẫu phiếu khảo sát (bảng hỏi): Lưu ý cần thiết kế các loại câu hỏi (Câu hỏi đóng, câu hỏi mở hoặc câu hỏi kết hợp). Nội dung phiếu khảo sát hoặc các câu hỏi phỏng vấn cũng cần tập trung vào các tiêu chí đánh giá đã quy định trong Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (các Điều 8, 9, 10).

- Chọn mẫu điều tra: Mẫu là tập hợp của những đối tượng nghiên cứu trong một cuộc điều tra xã hội học mà cơ cấu thành phần và đặc điểm, tính chất của nó mang tính đại diện cho tổng thể đối tượng được nghiên cứu. Do vậy, việc chọn mẫu phải đảm bảo tính đại diện và phản ánh cho số đông.

- Xây dựng kế hoạch, công văn gửi thông báo trước cho cơ quan, tổ chức, địa phương nơi dự kiến điều tra, khảo sát để phối hợp thực hiện.

- Chuẩn bị kinh phí (lập dự trù chi tiết cho các mục chi), nhân lực (tập huấn cho người đi phỏng vấn nếu chọn phương pháp phỏng vấn sâu).

**b) Giai đoạn tổ chức điều tra, khảo sát**

- Kiểm tra lại tài liệu, kinh phí, các điều kiện để phục vụ điều tra, khảo sát; bố trí phương tiện đi lại.

- Công tác tiền trạm.

- Làm việc trực tiếp tại cơ quan, tổ chức và triển khai phát, thu phiếu hỏi; thực hiện phỏng vấn trực tiếp đối tượng cần phỏng vấn.

- Tổ chức tọa đàm (nếu có).

**c) Giai đoạn xử lý, phân tích và xây dựng báo cáo kết quả điều tra**

Thông tin thu được từ cuộc điều tra, khảo sát (làm việc trao đổi trực tiếp, bảng hỏi, phỏng vấn, tọa đàm) được kiểm tra, tổng hợp để xây dựng Báo cáo điều tra, khảo sát và báo cáo này sẽ là một nguồn thông tin để xây dựng báo cáo tình hình thi hành pháp luật của ngành, địa phương.

Theo Thông tư 04/2021/TT-BTP (khoản 4 Điều 5) quy định trên cơ sở kết quả xử lý phiếu khảo sát, hội thảo, tọa đàm và phỏng vấn trực tiếp, cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo điều tra, khảo sát. Báo cáo điều tra, khảo sát phải có nhận định, đánh giá khách quan về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực và địa bàn tiến hành điều tra, khảo sát; kiến nghị các biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

**5. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật là vấn đề quan trọng nhất của công tác theo dõi thi hành pháp luật. Đây vừa là hệ quả của hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, thể hiện hiệu quả của công tác này, vừa là một trong những hoạt động nhằm thực hiện mục đích trực tiếp của theo dõi thi hành pháp luật.

Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP quy định 06 nội dung thuộc phạm vi xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, gồm:

- Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật;

- Kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực;

- Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật;

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật;

- Thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

**5.1. Mục đích, khái niệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Mỗi hoạt động của cơ quan nhà nước đều nhằm đạt một hoặc nhiều mục đích khác nhau, trong đó mục đích gián tiếp của việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật được quy định tại Điều 3 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP là nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Mục đích trực tiếp của theo dõi tình hình thi hành pháp luật là nhằm thực hiện các giải pháp khắc phục để đạt mục đích cuối cùng là nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Trên thực tế, thi hành pháp luật do nhiều cơ quan tiến hành với nhiều biện pháp, hiệu quả thi hành pháp luật phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan, khách quan. Vì vậy nội dung xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật rất đa dạng. Nghị định số 59/2012/NĐ-CP chỉ quy định các nội dung cốt yếu, theo đó, xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật là việc các cơ quan nhà nước thực hiện các giải pháp theo thẩm quyền nhằm khắc phục các bất cập của tình hình thi hành pháp luật, của hệ thống pháp luật, góp phần bảo đảm cho pháp luật được thi hành nghiêm minh, hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện.

Giải pháp trong nội dung xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật gồm hai loại: (1) Trực tiếp xử lý và (2) Kiến nghị xử lý.

Như vậy, xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật chủ yếu mang tính tổ chức, quản lý, điều hành, không phải là quy trách nhiệm, xử lý trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm. Tuy nhiên, trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật có phát hiện vi phạm thì cơ quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện việc xử lý vi phạm hoặc kiến nghị xử lý vi phạm nhưng theo trình tự của hoạt động quản lý khác, không phải là nội dung của hoạt động theo dõi thi hành pháp luật.

**5.2. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền và theo đề nghị của cơ quan cấp trên.

Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền là việc cơ quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật tự mình thực hiện các nội dung được quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, theo đó căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả điều tra, khảo sát, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật, Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, các tổ chức, đơn vị liên quan; Phòng Tư pháp phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân, các tổ chức, đơn vị có liên quan; công chức Tư pháp - Hộ tịch phối hợp với các công chức chuyên môn tham mưu cho Uỷ ban nhân dân xử lý theo thẩm quyền kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo các nội dung sau đây:

**a) Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

Các cơ quan thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở địa phương được Nghị định số 59/2012/NĐ-CP quy định là Ủy ban nhân dân các cấp, nhưng thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên gồm có Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân. Vì vậy, khi phát hiện có sự chậm trễ trong việc ban hành văn bản dẫn đến tình trạng quy định của Luật, Pháp lệnh, Nghị định không thể thi hành thì Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi thẩm quyền đã được pháp luật quy định có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng văn bản để ban hành theo thẩm quyềnhoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phải kịp thời rà soát, tham mưu cho Uỷ ban nhân dân ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật hoặc kiến nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền đã được pháp luật quy định.

**b) Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật**

Thực tế tổ chức thi hành pháp luật cho thấy công tác tập huấn, phổ biến văn bản pháp luật nhất là văn bản mới được ban hành có vai trò rất quan trọng, nhằm hướng dẫn cán bộ, nhân dân thực hiện các quy định pháp luật một cách chính xác, thống nhất. Việc tập huấn cho cán bộ, công chức có trách nhiệm thi hành pháp luật có thể tiến hành bằng nhiều hình thức như tổ chức hội nghị quán triệt, mở lớp bồi dưỡng, biên soạn tài liệu, kiểm tra sự hiểu biết của cán bộ, công chức về lĩnh vực pháp luật mà họ phụ trách…

Đối với nhân dân, các hình thức phổ biến pháp luật chủ yếu được quy định tại Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, cụ thể là:

- Họp báo, thông cáo báo chí.

- Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật.

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư.

- Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật.

- Thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở.

- Lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.

- Thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng để bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đem lại hiệu quả.

Cũng cần lưu ý là pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật có quy định cụ thể các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật chủ yếu cho từng đối tượng đặc thù. Vì vậy, ngoài các biện pháp phổ biến pháp luật nói chung đã được quy định tại Điều 11 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật cần thực hiện các biện pháp phổ biến pháp luật cho phù hợp với các đối tượng đặc thù.

Bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí cho thi hành pháp luật luôn là vấn đề khó khăn đối với nhiều cơ quan. Về xây dựng tổ chức để thi hành pháp luật, thông thường văn bản của Chính phủ giao Bộ Nội vụ hướng dẫn. Việc thành lập tổ chức cũng là một nội dung của thi hành pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế do khó khăn về biên chế, nhân sự cán bộ mà hoạt động này thường được tiến hành chậm trễ, nơi trước, nơi sau, nơi chuyên trách, nơi kiêm nhiệm.

Về biên chế, đối với những lĩnh vực pháp luật quan trọng, tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội, khối lượng công việc phải giải quyết nhiều thì nhất thiết cần có cán bộ, công chức chuyên trách. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật cần xác định được vấn đề đó để xử lý.

Kinh phí cho thi hành pháp luật bao gồm cả kinh phí cho sự vận hành của bộ máy thi hành pháp luật và kinh phí để triển khai quy định của pháp luật trên thực tế, nhất là những khoản chi bắt buộc cho các đối tượng được thụ hưởng.

**c) Kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực**

Có thể nói, kịp thời tổ chức văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực là một trong những bất cập lớn nhất trong thi hành pháp luật hiện nay. Nguyên nhân có thể là do văn bản hướng dẫn chưa đầy đủ, kịp thời, do chờ đợi sự chỉ đạo của cơ quan cấp trên, do thiếu cán bộ, do nhận thức… Điều này làm hạn chế hiệu lực của pháp luật, giảm sút niềm tin vào pháp luật, nhất là trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền. Vì vậy, công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật cần tìm ra nguyên nhân cụ thể cản trở, làm chậm trễ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực. Từ đó có giải pháp khắc phục, kịp thời thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên thực tế.

**d) Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất tronghướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật**

Khi phát hiện có sự không chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng quy định pháp luật thì cơ quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật cần kịp thời có biện pháp chấn chỉnh.

Hướng dẫn áp dụng pháp luật thường do các cơ quan như Cục, Chi cục, các cơ quan chuyên môn thực hiện. Hướng dẫn áp dụng pháp luật không chính xác là làm sai lệch quy định pháp luật được hướng dẫn. Hướng dẫn áp dụng pháp luật không thống nhất là cùng một quy định pháp luật nhưng hướng dẫn áp dụng cho mỗi đối tượng một khác, mỗi lúc một khác, mỗi nơi một khác.

Văn bản hướng dẫn thường được ban hành dưới hình thức công văn do cơ quan hướng dẫn phát hành. Cũng có thể đó là sự chỉ đạo bằng lời nói, văn bản hướng dẫn, sự chỉ đạo bằng lời nói có thể là hướng dẫn chung cho nhiều đối tượng áp dụng và cũng có thể chỉ cho một đối tượng khi có vụ việc cụ thể.

Các biện pháp khắc phục tình trạng này là hủy bỏ văn bản hướng dẫn sai, cải chính sự chỉ đạo bằng lời nói. Nếu cần thiết thì ban hành văn bản hướng dẫn mới để bảo đảm sự chính xác, thống nhất.

Áp dụng pháp luật không chính xác có thể xảy ra trong các trường hợp:

- Lựa chọn quy định pháp luật để áp dụng không đúng đối với tình huống thực tế.

- Lựa chọn quy định pháp luật đã hết hiệu lực tại thời điểm xảy ra tình huống thực tế.

- Áp dụng sai đối tượng.

- Áp dụng sai lệch so với quy định pháp luật.

- Áp dụng sai thẩm quyền so với quy định pháp luật.

Việc áp dụng pháp luật thường được thực hiện bằng quyết định hành chính như xử phạt vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại, cấp các loại giấy phép, thu hồi đất, đền bù để giải phóng mặt bằng…

Áp dụng pháp luật cũng như hướng dẫn áp dụng pháp luật không thống nhất đó là sự thiếu nhất quán theo đối tượng, thời gian, không gian.

Biện pháp khắc phục đối với áp dụng pháp luật không chính xác, thống nhất là hủy bỏ quyết định đã ban hành, ban hành quyết định mới cho chính xác, thống nhất.

**đ) Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật**

Việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật chủ yếu được thực hiện khi phát hiện có khiếm khuyết, bất cập cụ thể của hệ thống pháp luật nhằm khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn, sơ hở của các quy định pháp luật do cơ quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật ban hành; bổ sung quy định còn thiếu hoặc sửa đổi quy định không phù hợp với thực tế.

**e) Thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật**

Những biện pháp xử lý khác là những biện pháp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các cấp, nhằm bảo đảm thực hiện mục đích của theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Các “biện pháp khác” có thể là tiến hành xử lý trách nhiệm cơ quan, tổ chức, cá nhân có sai phạm. Cũng có thể là các giải pháp về tổ chức, cán bộ.

**5.3. Kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Nếu các nội dung xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật không thuộc thẩm quyền của cơ quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật mà thuộc thẩm quyền của cơ quan khác thì cơ quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật kiến nghị cơ quan đó xử lý. Kiến nghị xử lý chủ yếu được thực hiện đối với việc:

- Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật.

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật.

Mặc dù Nghị định số 59/2012/NĐ-CP không quy định cụ thể về trình tự, thủ tục kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, nhưng các kiến nghị này được thực hiện theo trình tự, thủ tục hành chính bình thường, theo đó:

- Ủy ban nhân dân cấp dưới kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiến nghị Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Văn bản kiến nghị ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã do Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân cùng cấp.

**IV. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**1. Quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Theo quy định Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ- CP thì Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương, cụ thể:

- Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp dưới trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương.

- Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân.

- Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

- Bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trước ngày 10 tháng 12.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện việc báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp.

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã tham mưu, giúp Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

**2.** **Các điều kiện bảo đảm cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

**2.1. Về tổ chức, biên chế:**

Theo quy định của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, thì việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp. Trong đó, các chủ thể được giao trực tiếp tham mưu thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật gồm:

- Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch;

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

Tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, giúp người đứng đầu cơ quan chuyên môn theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Trường hợp đã vận dụng đầy đủ quy định của pháp luật hiện hành để thành lập tổ chức, cũng như bố trí cán bộ, công chức chuyên trách/kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật mà vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu công việc hoặc do quá khó khăn về mặt biên chế không đủ người để bố trí công việc, thì cơ quan, đơn vị có thể vận dụng linh hoạt cơ chế bảo đảm sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi thi hành pháp luật theo tinh thần của Điều 6 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

*“1. Các tổ chức, cá nhân có quyền tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.*

*2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.*

*3. Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp huy động Hội luật gia Việt Nam, Liên đoàn luật sư Việt Nam và các Đoàn luật sư, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội xã hội, nghề nghiệp, tổ chức nghiên cứu, đào tạo, chuyên gia, nhà khoa học có đủ điều kiện tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế cộng tác viên*”.

Căn cứ quy định này, các cơ quan, đơn vị liên quan có thể xây dựng trình các cấp có thẩm quyền ban hành quy chế về chuyên gia, cộng tác viên trong lĩnh vực theo dõi thi hành pháp luật đối với ngành, lĩnh vực, địa phương thuộc thẩm quyền quản lý hoặc không nhất thiết phải ban hành quy chế, mà cũng có thể vận dụng linh hoạt cơ chế thuê chuyên gia, cộng tác viên theo quy định của pháp luật hiện hành trong các lĩnh vực điều tra, khảo sát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật…Chế độ đối với chuyên gia, cộng tác viên có thể vận dụng theo cơ chế hợp đồng khoán việc.

**2.2. Về kinh phí bảo đảm cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

**Lập dự toán:** Hàng năm, căn cứ vào yêu cầu công việc cụ thể các cơ quan, đơn vị lập dự toán kinh phí tổng hợp chung vào dự toán ngân sách chi thường xuyên gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật hoặc có thể lập dự toán kinh phí đưa vào Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật hàng năm để trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP thì kinh phí cho công tác theo dõi thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị. Việc lập dự toán, phân bổ kinh phí được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

Quy định này chỉ xác định về mặt nguyên tắc, mà không quy định cụ thể nội dung chi, định mức chi đặc thù; không giao Bộ, ngành có liên quan ban hành Thông tư hướng dẫn.

Đối với hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, đây là hoạt động mang tính tổng hợp liên quan đến nhiều hoạt động khác nhau đang được thực hiện theo quy định của pháp luật. Do đó mỗi hoạt động của công tác theo dõi thi hành pháp luật được áp dụng theo nội dung chi, mức chi đã được quy định cụ thể tại nhiều văn bản khác nhau như:

Theo quy định tại Chương III Nghị định số 59/2012/NĐ-CP thì hoạt động theo dõi thi hành pháp luật gồm các nội dung được quy định tại các Điều 11, 12, 13 và Điều 14 đó là: (1) Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tình hình thi hành pháp luật; (2) Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; (3) Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Để có thể áp dụng các nội dung chi, mức chi theo quy định của pháp luật hiện hành, thì cần phải bóc tách, vận dụng linh hoạt các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật gắn với nội dung, định mức chi theo quy định. Cụ thể như sau:

**a) Thu thập thông tin, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật**

Thực chất các nhiệm vụ trên đây là hoạt động điều tra thống kê để thu thập thông tin về các chỉ tiêu phục vụ yêu cầu quản lý của địa phương theo quy định tại Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê. Vì vậy, việc thu thập thông tin, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật có thể áp dụng tương tự kinh phí (nội dung chi, mức chi) theo quy định của Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương bảo đảm trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Theo đó nội dung chi, mức chi cụ thể được xác định như sau:

**- Về nội dung chi**

(1) Chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê xây dựng phương án điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê theo phương thức khoán; (2) Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê theo quyết định của cấp có thẩm quyền; (3)Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra thống kê, sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu điều tra thống kê, xuất bản ấn phẩm điều tra thống kê; (4) Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra thống kê; (5) Chi tiền công; (6) Chi công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê; (7) Chi cho đối tượng cung cấp thông tin; (8) Chi vận chuyển tài liệu điều tra thống kê, thuê xe phục vụ điều tra thống kê thực địa; (9) Chi xử lý kết quả điều tra thống kê; (10) Chi biên soạn ấn phẩm điều tra thống kê; (11) Chi công bố kết quả điều tra thống kê: Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe, làm ngoài giờ...

**- Mức chi của một số hoạt động điều tra, khảo sát có tính chất đặc thù**

 Ngoài những nội dung, mức chi đặc thù của hoạt động điều tra, khảo sát thì Thông tư số 109/2016/TT-BTC còn quy định nội dung chi, mức chi áp dụng dẫn chiếu theo quy định của pháp luật hiện hành:

 *Ví dụ:* Các khoản chi nước uống, thuê hội trường,v.v... phục vụ hội thảo, họp Hội đồng (nếu có) thì thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có); chi công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước; chi công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước; Phiên dịch (nếu có), biên dịch tài liệu nước ngoài phục vụ điều tra thống kê: Mức chi thực hiện theo quy định về chi phiên dịch, biên dịch tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 6/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước; Làm ngoài giờ: Trong phạm vi dự toán được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê thanh toán tiền làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ công chức, viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có)…

**b) Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật**

Đây là hoạt động gắn với chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tương ứng với các quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính. Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc trong các cơ quan, đơn vị; sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn, công nhân, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (gọi tắt là cán bộ, công chức) được cấp có thẩm quyền cử đi công tác trong nước; đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức được các cơ quan tiến hành tố tụng mời ra làm nhân chứng trong các vụ án có liên quan đến công việc chuyên môn thì được chi trả công tác phí gồm các khoản: tiền phương tiện đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê chỗ ở nơi đến công tác, cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc (nếu có). Nội dung chi, mức chi được thực hiện theo quy định về chế độ công tác phí của Bộ Tài chính và của tỉnh.

Trường hợp các cơ quan, đơn vị đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị mình thì việc thực hiện các nội dung và mức chi trên sẽ theo quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

**c) Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Các hoạt động xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP gắn với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Do vậy, kinh phí có thể áp dụng theo quy định tại các văn bản sau đây: Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chínhquy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luậtvà hoàn thiện hệ thống pháp luật; [Thông tư liên tịch 122/2011/TTLT-BTC-BTP](http://vbqppl.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=26819) ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết số 46/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 19/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh vềmột số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**Nội dung chi, mức chi được áp dụng như sau:**

*Ví dụ:* Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật thông qua việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thì có thể vận dụng một số quy định đặc thù sau đây:

*Đối với việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do địa phương soạn thảo ban hành thì áp dụng quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC về nội dung và định mức chi như sau:*

**Về nội dung chi**: Căn cứ tính chất, mức độ phức tạp của mỗi hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí quy định; cơ quan, đơn vị được giao chủ trì nhiệm vụ thực hiện chi theo những nội dung sau:

Tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành, tập hợp, rà soát đánh giá văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản, lập đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản;

Dịch, hiệu đính tài liệu, văn bản tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt và ngược lại;

Tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật;

Đánh giá tác động của chính sách, đánh giá tác động của văn bản;

Tổ chức Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm tra; lấy ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia (trong trường hợp cần thiết);

Xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, văn bản góp ý;

Chỉnh lý, hoàn thiện các loại đề cương, báo cáo, dự thảo văn bản.

Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

**Về định mức chi:**

Theo quy định tại Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu thì định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1.Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân

a) Nghị quyết ban hành mới hoặc thay thế:

- Cấp tỉnh: 30 triệu đồng/dự thảo;

- Cấp huyện: 15 triệu đồng/dự thảo;

- Cấp xã: 10 triệu đồng/dự thảo.

b) Nghị quyết sửa đổi, bổ sung:

- Cấp tỉnh: 24 triệu đồng/dự thảo;

- Cấp huyện: 12 triệu đồng/dự thảo;

- Cấp xã: 8 triệu đồng/dự thảo.

2. Đối với dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân

a) Quyết định ban hành mới hoặc thay thế:

- Cấp tỉnh: 20 triệu đồng/dự thảo;

- Cấp huyện: 10 triệu đồng/dự thảo;

- Cấp xã: 8 triệu đồng/dự thảo.

b) Quyết định sửa đổi, bổ sung:

- Cấp tỉnh: 16 triệu đồng/dự thảo;

- Cấp huyện: 8 triệu đồng/dự thảo;

- Cấp xã: 6,4 triệu đồng/dự thảo.

Hoặc ví dụ: Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật thông qua việc kiểm tra xử lý văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật, thì có thể áp dụng một số quy định đặc thù về kinh phí cho hoạt động kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Nghị quyết số 46/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 19/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh vềmột số mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu...

**d) Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Đối với việc xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật thì áp dụng quy định tại Thông tư
số 338/2016/TT-BTC về nội dung và định mức chi như sau:

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề: mức chi 5.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất: mức chi 3.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp: mức chi 3.400.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp: mức chi 1.700.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã; các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp: mức chi 900.000 đồng/báo cáo.

**V. BÁO CÁO TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**1. Về chế độ báo cáo**

Khoản 8, Điều 1 Nghị định số 32/2021/NĐ-CP quy định trách nhiệm báo cáo của Ủy ban nhân dân các cấp như sau:

Hằng năm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chậm nhất vào ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo.Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của kỳ báo cáo.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng báo cáo tình hình thi hành pháp luật gửi Sở Tư pháp trước ngày 01/12 hàng năm để kịp thời tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

-Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng báo cáo tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**2. Yêu cầu đối với báo cáo**

Quá trình xây dựng báo cáo về tình hình thi hành pháp luật là báo cáo phải theo sát mục đích của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật là nhằm (1) Xem xétđánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và (2) Hoàn thiện hệ thống pháp luật. Từ thực trạng thi hành pháp luật các cơ quan hành chính có thể kiến nghị nội dung (1) hoặc (2) hoặc cả hai nội dung nêu trên. Đề nghị các cơ quan xây dựng báo cáo chỉ rõ các bất cập, vướng mắc, các quy định của luật nội dung không khả thi, không sát, không đúng hoặc chồng chéo, không đồng bộ là quy định nào, tại khoản nào, Điều nào, văn bản quy phạm pháp luật nào hay tại một nhóm các văn bản quy phạm có liên quan. Từ tình hình chung này, tiếp tục đánh giá, chắt lọc ra những nội dung quan trọng nhất mà cơ quan báo cáo nhận thấy cần nghiên cứu, xem xét kỹ vì đây là vấn đề then chốt, nổi cộm nhất khiến cho hiệu quả thi hành pháp luật không như mong đợi. Sau đó, chỉ ra lý do tại sao quy định pháp luật cụ thể, hoặc một văn bản, hoặc một nhóm văn bản có liên quan, hoặc một vấn đề không được tuân thủ trên thực tế. Việc đánh giá nguyên nhân là một nội dung cần được làm kỹ trong Báo cáo. Các cơ quan hành chính cần chỉ rõ tại sao tình hình thi hành pháp luật lại có những khó khăn, vướng mắc như vậy, lý do nằm ở quy định của pháp luật hay các điều kiện khác trong tổ chức thực hiện.

- Báo cáo cần bám sát và phản ánh kết quả các mục tiêu được đề ra trong Kế hoạch công tác theo dõi thi hành pháp luật đã được các cơ quan hành chính xây dựng từ đầu năm, trong Kế hoạch đã xác định nội dung, lĩnh vực và cách thức triển khai công tác.

**-** Các số liệu nêu trong báo cáo cần cụ thể, rõ ràng có sự so sánh, đối chiếu tỷ lệ đối với yêu cầu, mong muốn của công việc cần làm hàng năm và so với năm trước trên cùng lĩnh vực, nội dung báo cáo. Cần tránh việc nêu chung chung, định tính, sự việc, không dẫn chứng được số liệu, không lượng hóa được kết quả báo cáo. Báo cáo cần xử lý được một cách cơ bản các thông tin về tình hình theo dõi thi hành pháp luật, các kiến nghị, đề xuất cụ thể đề nghị các cơ quan khi xây dựng cần nêu các kiến nghị mang tính vĩ mô, liên ngành để nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Báo cáo tổng hợp ngắn gọn, khái quát, nêu chính xác và đúng đắn vấn đề đang còn khó khăn, vướng mắc trong thực tế thực hiện; đồng thời, kiến nghị được các vấn đề lớn, có ý nghĩa nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

- Mặc dù không có quy định bắt buộc, trong quá trình xây dựng Báo cáo cần lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với Dự thảo báo cáo để đảm bảo tính khách quan, trung thực và cầu thị của cơ quan làm báo cáo. Báo cáo sau khi được người có thẩm quyền ký cần được công khai, đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân có thể tiếp cận.

**3. Nội dung báo cáo**

Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật cần thể hiện các nội dung sau:

**3.1. Tình hình triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch;

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ;

-Các điều kiện bảo đảm để triển khai công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật (về tổ chức, nguồn nhân lực, kinh phí và các điều kiện bảo đảm khác)

**3.2. Tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm lựa chọn**

**a) Tình hình ban hành văn bản**

- Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật

+ Số lượng, hình thức văn bản quy phạm pháp luật cần được ban hành; số lượng, hình thức văn bản quy phạm pháp luật ban hành đúng tiến độ; số lượng, hình thức và tên văn bản ban hành chậm tiến độ; lý do chậm tiến độ (việc đánh giá nội dung này căn cứ vào quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan nhà nước ở Trung ương, Chương trình xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Chương trình xây dựng Quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân;

+ Tình hình ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật).

- Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản.

 + Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản trên cơ sở quy định tại Điều 147 và Điều 149 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Lập danh mục các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; đánh giá và kiến nghị hình thức xử lý.

- Tính khả thi của văn bản.

Đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết trên cơ sở xem xét các nội dung cơ bản sau đây:

+ Sự phù hợp của các quy định với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, truyền thống văn hóa và phong tục tập quán;

+ Sự phù hợp của các quy định với điều kiện thực tế về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, nguồn tài chính để thi hành;

+ Sự hợp lý của các biện pháp giải quyết vấn đề và chế tài xử lý;

+ Sự rõ ràng của các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và trình tự, thủ tục thực hiện;

+ Sự rõ ràng, cụ thể của các quy định để có thể thực hiện đúng, hiểu thống nhất, thuận tiện khi thực hiện và áp dụng.

**b) Tình hình bảo đảm các điều kiện cho việc thi hành pháp luật đối với lĩnh vực trọng tâm**

- Tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật.

- Tính phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật.

- Mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật.

**c) Tình hình tuân thủ pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm**

- Đánh giá tình hình tuân thủ và áp dụng các quy định của pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

- Đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân, người dân. Các vi phạm pháp luật có tính chất phổ biến (liệt kê các quy định pháp luật bị vi phạm nhiều trên thực tế; tổng hợp số lượng vụ vi phạm và xử lý vi phạm; đánh giá nguyên nhân của tình hình vi phạm pháp luật).

**3.3. Đánh giá chung**

**a)** **Ưu điểm**

**b)** **Hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

Nêu cụ thể những nội dung, quy định của pháp luật có hạn chế, khó khăn, vướng mắc như:

- Những nội dung, quy định thiếu tính khả thi, không thể thực hiện trong thực tiễn;

- Những nội dung, quy định không thống nhất, tạo khoảng trống, kẽ hở pháp luật;

- Những nội dung, quy định dẫn đến hiện tượng có nhiều vi phạm pháp luật nghiêm trọng;

- Những nội dung, quy định còn chưa đầy đủ hoặc thiếu...

**c)** **Nguyên nhân**

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế: Xuất phát từ nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, công tác tổ chức thi hành, ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân…

**3.4. Giải pháp; đề xuất, kiến nghị**

**a) Giải pháp**

**b) Đề xuất, kiến nghị**

- Đối với Chính phủ

- Đối với các Bộ, ngành

- Đối với cấp tỉnh/cấp huyện...

***Phần thứ hai***

**CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
VỀ CÔNG TÁC THEO DÕI TÌNH HÌNH
THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**I. NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2012/NĐ-CP NGÀY 23/7/2012 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**Số: 59/2012/NĐ-CP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày 23 tháng 7 năm 2012* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Về theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,*

*Chính phủ ban hành Nghị định về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về nội dung, hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**Điều 3. Mục đích theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Theo dõi tình hình thi hành pháp luật nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

**Điều 4. Nguyên tắc theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Khách quan, công khai, minh bạch.

2. Thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

3. Kết hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo lĩnh vực và theo địa bàn.

4. Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật; không trùng lắp, chồng chéo với các hoạt động thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan nhà nước đã được pháp luật quy định.

5. Huy động sự tham gia của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và nhân dân.

**Điều 5. Phạm vi trách nhiệm theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Bộ Tư pháp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi cả nước.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ. Cơ quan thuộc Chính phủ theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công.

Tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công.

3. Ủy ban nhân dân các cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương.

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công.

Tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, giúp người đứng đầu cơ quan chuyên môn theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**Điều 6. Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Các tổ chức, cá nhân có quyền tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện và khuyến khích sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp huy động Hội luật gia Việt Nam, Liên đoàn luật sư Việt Nam và các Đoàn luật sư, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội xã hội, nghề nghiệp, tổ chức nghiên cứu, đào tạo, chuyên gia, nhà khoa học có đủ điều kiện tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế cộng tác viên.

**Chương II**

**NỘI DUNG THEO DÕI TÌNH HÌNH
THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**Điều 7. Nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên cơ sở xem xét, đánh giá các nội dung sau đây:

1. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

2. Tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật;

3. Tình hình tuân thủ pháp luật.

**Điều 8. Nội dung xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

1. Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết.

2. Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản.

3. Tính khả thi của văn bản.

**Điều 9. Nội dung xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật**

1. Tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật.

2. Tính phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật.

3. Mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật.

**Điều 10. Nội dung xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật**

1. Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

2. Tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

3. Mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**Chương III**

**HOẠT ĐỘNG THEO DÕI TÌNH HÌNH
THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**Điều 11. Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật**

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp thông tin về tình hình thi hành pháp luật từ báo cáo của các cơ quan nhà nước quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định này theo các nội dung sau đây:

a) Số lượng, hình thức và tên văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; số lượng, hình thức và tên văn bản ban hành chậm tiến độ và lý do chậm tiến độ; số lượng văn bản không thống nhất, không đồng bộ và tính khả thi không cao;

b) Nội dung, hình thức tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện; thực trạng về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, các điều kiện về kinh phí và cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật;

c) Tình hình hướng dẫn áp dụng pháp luật, tình hình áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền;

d) Tình hình xử lý vi phạm pháp luật.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp.

Tổ chức, cá nhân có thể trực tiếp cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật hoặc qua Trang thông tin điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

Thông tin được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do tổ chức, cá nhân cung cấp phải được kiểm tra, đối chiếu trước khi sử dụng để đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

**Điều 12. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật**

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi trách nhiệm được quy định tại Điều 5 Nghị định này nhằm kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong thi hành pháp luật và khiếm khuyết, bất cập của hệ thống pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng kiểm tra có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu của cơ quan tiến hành kiểm tra theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật**

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp điều tra, khảo sát theo yêu cầu của tình hình thi hành pháp luật về từng lĩnh vực, địa bàn và đối tượng cụ thể thông qua phiếu khảo sát, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác.

2. Hoạt động điều tra, khảo sát có thể được thực hiện theo cơ chế cộng tác viên.

**Điều 14. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây:

a) Ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

b) Thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật;

c) Kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực;

d) Thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật;

đ) Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật;

e) Thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của Bộ Tư pháp hoặc của Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan ngang Bộ.

Ủy ban nhân dân cấp dưới có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp.

**Chương IV**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp**

1. Trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ tiêu thống kê quốc gia làm cơ sở cho việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định này.

3. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi cả nước và trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý liên ngành, có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành.

5. Hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi cả nước trước ngày 15 tháng 11.

6. Thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 16 Nghị định này.

**Điều 16. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Ban hành Chỉ tiêu thống kê ngành làm cơ sở cho việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định này.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

4. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

5. Bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

6. Hằng năm báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trước ngày 15 tháng 10.

**Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp dưới trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân.

3. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

4. Bảo đảm các điều kiện cho việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

5. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trước ngày 15 tháng 10.

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện việc báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp.

**Điều 18. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 19. Kinh phí thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Kinh phí cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách nhà nước cấp đó bảo đảm và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị. Việc lập dự toán, phân bổ kinh phí được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

**Điều 20. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2012.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

 **TM. CHÍNH PHỦ**

 **THỦ TƯỚNG**

*(Đã ký)*

 **Nguyễn Tấn Dũng**

**II. NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2020/NĐ-CP NGÀY 05/3/2020 CỦA CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2012/NĐ-CP NGÀY 23 THÁNG 7 NĂM 2012 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 32/2020/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2020* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
NGHỊ ĐỊNH SỐ [59/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx%22%20%5Co%20%22Ngh%E1%BB%8B%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%2059/2012/N%C4%90-CP%22%20%5Ct%20%22_blank) NGÀY 23/7/2012 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*59/2012/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx) *ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành
pháp luật.*

**Điều** **1. Sửa đổi, bổ sung một số**điều **của Nghị định số**[**59/2012/NĐ-CP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx)**ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Bổ sung khoản 4 vào Điều 6 như sau:

“4. Quy định về cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

a) Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật được huy động để tham gia hoạt động thu thập, tổng hợp thông tin; điều tra, khảo sát; tham gia ý kiến về xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

b) Các tổ chức quy định tại khoản 3 Điều này được huy động tham gia làm cộng tác viên phải có lĩnh vực hoạt động phù hợp với lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Cá nhân được huy động tham gia làm cộng tác viên phải am hiểu lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

c) Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp lu ật thực hiện theo chế độ hợp đồng theo từng vụ việc cụ thể, trừ trường hợp cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật là cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.”

2. Bổ sung điều 10a sau Điều 10 như sau:

“**Điều** **10a. Xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật**

1. Trên cơ sở kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý nhà nước được giao.

2. Căn cứ quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xem xét, đánh giá tác động tích cực, tác động tiêu cực của việc thi hành các quy định của pháp luật đối với đời sống kinh tế, xã hội.

3. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định này.”

3. Bổ sung Điều 11a sau Điều 11 như sau:

**Điều 11a. Xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Hằng năm, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thihành pháp luật của bộ, ngành, địa phương mình, gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 30 tháng 01 để theo dõi, tổng hợp.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch.”

4. Bổ sung khoản 3, khoản 4 vào Điều 12 như sau:

“3. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành:

a) Căn cứ vào Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành;

b) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành phải nêu rõ nội dung, kế hoạch làm việc của đoàn kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra liên ngành được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 07 ngày làm việc, trước ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra;

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra liên ngành. Đoàn kiểm tra liên ngành xem xét, xác minh, kết luận về những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra;

d) Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra liên ngành phải có văn bản thông báo kết luận kiểm tra gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

Kết luận kiểm tra phải có các nội dung cơ bản sau đây: nhận xét, đánh giá về những kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại hạn chế trong thi hành pháp luật; kiến nghị thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; kiến nghị việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với sai phạm (nếu có) của cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thi hành pháp luật.

4. Kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây:

a) Việc ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

b) Việc bảo đảm các điều kiện về biên chế, kinh phí theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

c) Việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

d) Việc ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

đ) Công tác phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

e) Việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.”

5. Bổ sung khoản 3, khoản 4, khoản 5 vào Điều 14 như sau:

“3. Bộ Tư pháp có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp, nghiên cứu, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc kịp thời xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; tổng hợp việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong báo cáo hằng năm gửi Bộ Tư pháp.

4. Chậm nhất sau 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật, cơ quan, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật phải báo cáo bằng văn bản về tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục hạn chế, tồn tại và xử lý hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Đối với các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm do Bộ Tư pháp gửi Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm báo cáo tình hình xử lý các kiến nghị này gửi Bộ Tư pháp trong quý I năm sau kỳ báo cáo.

5. Trong trường hợp phát hiện tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hoặc quyết định áp dụng pháp luật chưa bảo đảm tính chính xác, vi phạm quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phải ban hành văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền kịp thời đính chính, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ, ban hành mới văn bản theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp phát hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp có quy định trái với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phải kịp thời xử lý văn bản trái pháp luật theo thẩm quyền được quy định tại Điều 118, Điều 119 và Điều 120 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.”

6. Khoản 5 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi cả nước chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.”

7. Khoản 6 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“6. Hằng năm báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chậm nhất vào ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của kỳ báo cáo.”

8. Khoản 5 Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Hằng năm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật chậm nhất vào ngày 10 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 12 của năm trước kỳ báo cáo đến ngày 30 tháng 11 của kỳ báo cáo.

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện việc báo cáo về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp.”

9. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 18. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các tổ chức khác có liên quan trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp đề nghị các cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau đây:

a) Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử;

b) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật;

c) Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và các đoàn luật sư cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật;

d) Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác;

đ) Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật.”

**Điều 2.**Bãi bỏ khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2020.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, PL (2b). |  **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG Nguyễn Xuân Phúc** |

**III. THÔNG TƯ SỐ 14/2014/TT-BTP NGÀY 15/5/2014 CỦA BỘ TƯ PHÁP QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2012/NĐ-CP NGÀY 23/7/2012 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 14/2014/TT-BTP | *Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2014* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật,

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thực hiện trách nhiệm được giao tại Quyết định số 921/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển giao trách nhiệm theo dõi tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, pháp lệnh.

**Chương I**

**XEM XÉT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH
THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**Điều 1. Xem xét, đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

1. Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật được đánh giá trên cơ sở xem xét những nội dung cơ bản sau:

a) Trên cơ sở kết quả rà soát luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là văn bản được quy định chi tiết), hoàn thành việc xác định nội dung được giao quy định chi tiết;

b) Lập Danh mục văn bản quy định chi tiết gồm nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch do Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là văn bản quy định chi tiết). Danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước gửi Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày ban hành văn bản được quy định chi tiết. Danh mục văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản được quy định chi tiết;

c) Ban hành kế hoạch, phân công cơ quan, đơn vị chủ trì, cơ quan, đơn vị phối hợp soạn thảo văn bản quy định chi tiết trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Danh mục văn bản quy định chi tiết được ban hành;

d) Văn bản quy định chi tiết được ban hành theo đúng tiến độ được phê duyệt và quy định đầy đủ nội dung được giao quy định chi tiết đã được xác định trong Danh mục văn bản quy định chi tiết.

2. Căn cứ các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các việc sau:

a) Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc rà soát, lập dự kiến danh mục, việc ban hành kế hoạch xây dựng văn bản quy định chi tiết do Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Đánh giá tính đầy đủ của văn bản quy định chi tiết so với số nội dung được giao quy định chi tiết tại văn bản được quy định chi tiết;

c) Đánh giá tiến độ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết trên cơ sở so sánh với thời điểm dự kiến cần phải ban hành theo kế hoạch;

d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ xây dựng văn bản quy định chi tiết;

đ) Định kỳ hằng tháng, quý, 06 tháng, năm và theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ báo cáo về tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết. Theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về tình hình xây dựng văn bản quy định chi tiết. Báo cáo nêu rõ tiến độ xây dựng đối với từng văn bản, những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

3. Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tư pháp xây dựng Báo cáo về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật trình Chính phủ.

**Điều 2. Xem xét, đánh giá tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết**

1. Tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết được xem xét, đánh giá trên cơ sở quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Nguồn thông tin cơ bản để đánh giá về tính thống nhất, đồng bộ của văn bản quy định chi tiết bao gồm:

a) Thông tin của các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Kết quả của hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật;

c) Kết quả của hoạt động hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính;

d) Phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, các phương tiện thông tin đại chúng và dư luận xã hội.

3. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan chuyên môn) phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; kiến nghị hình thức xử lý, gửi về tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan tư pháp) để tổng hợp.

4. Trên cơ sở phân tích, xem xét, tổng hợp các nguồn thông tin được quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan tư pháp lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

**Điều 3. Xem xét, đánh giá tính khả thi của văn bản quy định chi tiết**

1. Tính khả thi của văn bản quy định chi tiết được đánh giá trên cơ sở xem xét các nội dung cơ bản sau đây:

a) Sự phù hợp của các quy định với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, truyền thống văn hóa và phong tục tập quán;

b) Sự phù hợp của các quy định với điều kiện thực tế về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, nguồn tài chính để thi hành;

c) Sự hợp lý của các biện pháp giải quyết vấn đề và chế tài xử lý;

d) Sự rõ ràng của các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và trình tự, thủ tục
thực hiện;

đ) Sự rõ ràng, cụ thể của các quy định để có thể thực hiện đúng, hiểu thống nhất, thuận tiện khi thực hiện và áp dụng.

2. Nguồn thông tin cơ bản để đánh giá về tính khả thi của văn bản quy định chi tiết bao gồm:

a) Thông tin của các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Thông tin quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

3. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan chuyên môn phát hiện văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, đánh giá nguyên nhân, kiến nghị hình thức xử lý, gửi về cơ quan tư pháp để tổng hợp.

4. Trên cơ sở phân tích, xem xét, tổng hợp các nguồn thông tin được quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan tư pháp lập danh mục các văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi hoặc có khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

**Điều 4. Xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật**

1. Căn cứ nguồn thông tin quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 2 Thông tư này, cơ quan chuyên môn xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật theo các nội dung cơ bản sau đây:

a) Xác định nhu cầu tập huấn, phổ biến pháp luật đối với từng lĩnh vực và đối tượng cụ thể, đối chiếu với các hoạt động, nội dung, hình thức, đối tượng tập huấn, phổ biến pháp luật đã được thực hiện, đánh giá tính đầy đủ, kịp thời, phù hợp của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật, tác động của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật đến ý thức tuân thủ và mức độ nâng cao nhận thức pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, tập huấn pháp luật, gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp;

b) Xác định nhu cầu về tổ chức bộ máy, số lượng, tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đối chiếu với tình hình thực tế, đánh giá về sự phù hợp của tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực, kiến nghị việc bảo đảm về tổ chức, biên chế và nguồn nhân lực, gửi cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ cùng cấp để tổng hợp, xử lý, đồng thời gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp chung;

c) Xác định nhu cầu về kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu của công tác thi hành pháp luật, đối chiếu với thực trạng bảo đảm, đánh giá về mức độ đáp ứng của việc bảo đảm, kiến nghị việc bảo đảm kinh phí, trang thiết bị và cơ sở vật chất, gửi cơ quan phụ trách công tác tài chính cùng cấp để tổng hợp, xử lý, đồng thời gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp chung.

2. Cơ quan tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan phụ trách công tác tổ chức cán bộ và cơ quan phụ trách công tác tài chính cùng cấp tổng hợp, phân tích, xem xét các kiến nghị được quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

**Điều 5. Xem xét, đánh giá về tình hình tuân thủ pháp luật**

1. Căn cứ nguồn thông tin quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 2 Thông tư này, cơ quan chuyên môn xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật như sau:

a) Phát hiện, lập danh mục các quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật chưa được cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền thi hành kịp thời, đầy đủ,hướng dẫn chưa chính xác hoặc thiếu thống nhất; các quyết định áp dụng pháp luật do cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền ban hành có vi phạm về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, không bảo đảm tính chính xác; các vi phạm pháp luật phổ biến trong từng lĩnh vực cụ thể;

b) Đánh giá nguyên nhân của tình hình vi phạm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này theo các tiêu chí về nội dung của văn bản quy phạm pháp luật, công tác tổ chức thi hành pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các nguyên nhân khác;

c) Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp để kịp thời tổ chức thi hành văn bản pháp luật đã có hiệu lực; xử lý các vi phạm nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn và áp dụng pháp luật; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, gửi cơ quan tư pháp cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.

2. Cơ quan tư pháp phân tích, xem xét, tổng hợp các kiến nghị được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

**Chương II[[1]](#footnote-1)**

**THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG THEO DÕI
TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**Điều 6. Xây dựng kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm sau, kết quả hoạt động giám sát của Quốc hội, nội dung trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của cử tri trong năm đó và thực tiễn thi hành pháp luật, trước ngày 30 tháng 11 hằng năm Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đề xuất với Chính phủ lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách nhà nước năm sau.

2. Căn cứ nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách nhà nước hằng năm và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi, lĩnh vực quản lý, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nghị quyết của Chính phủ được ban hành, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ, ngành, địa phương mình, trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật đảm bảo đồng bộ với trọng tâm trong lĩnh vực kiểm soát thủ tục hành chính và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương trong năm đó.

Căn cứ lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong nghị quyết của Chính phủ, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

3. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Mục đích, yêu cầu;

b) Văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hoặc lĩnh vực pháp luật trọng tâm theo dõi, đánh giá;

c) Các hoạt động cụ thể và tiến độ thực hiện;

d) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện kế hoạch;

đ) Kinh phí thực hiện kế hoạch.

4. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

**Điều 7. Tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật**

1. Tổ chức, cá nhân có thể cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật bằng văn bản hoặc trực tiếp tại trụ sở tiếp công dân hoặc qua Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp (Chuyên mục tình hình thi hành pháp luật), của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tiếp nhận thông tin về tình hình thi hành pháp luật do tổ chức, cá nhân cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này; thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu tính xác thực, thông tin về tình hình thi hành pháp luật được sử dụng làm căn cứ để tiến hành kiểm tra, điều tra, khảo sát về tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 12, Điều 13 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây viết tắt là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP) và Điều 8, Điều 9 Thông tư này hoặc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

**Điều 8. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật**

1. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hoặc khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư này; đồng thời gắn với kiểm tra thực hiện nội dung trọng tâm trong lĩnh vực kiểm soát thủ tục hành chính và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật đã được xác định trong kế hoạch năm của Bộ, ngành, địa phương.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ kiểm tra tình hình thi hành pháp luật đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý. Ủy ban nhân dân cấp trên kiểm tra tình hình thi hành pháp luật đối với Ủy ban nhân dân cấp dưới trong phạm vi địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý liên ngành, có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành.

Cơ quan tư pháp đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập đoàn kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của nhiều đơn vị có nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành.

Quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải nêu rõ nội dung, kế hoạch làm việc của đoàn kiểm tra, thành phần đoàn kiểm tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 07 ngày làm việc, trước ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra. Đoàn kiểm tra hoặc người có thẩm quyền kiểm tra xem xét, xác minh, kết luận về những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra.

6. Trong quá trình kiểm tra, khi phát hiện những thông tin cần xử lý theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, đoàn kiểm tra và người có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để xử lý. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kiến nghị xử lý kết quả kiểm tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kiến nghị thông báo về kết quả xử lý kiến nghị của đoàn kiểm tra cho người ra quyết định kiểm tra. Trường hợp không nhất trí với kết quả xử lý hoặc không nhận được kết quả xử lý, người ra quyết định kiểm tra gửi kiến nghị xử lý đến cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý kết quả kiểm tra.

7. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi kết thúc việc kiểm tra, đoàn kiểm tra báo cáo người ra quyết định kiểm tra về kết quả kiểm tra.

**Điều 9. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật**

1. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật, khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó xác định mục đích, đối tượng, nội dung, địa bàn, thời gian, cách thức thực hiện điều tra, khảo sát.

2. Căn cứ vào nội dung điều tra, khảo sát, cơ quan, đơn vị chủ trì huy động đội ngũ cộng tác viên tham gia điều tra, khảo sát theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này.

3. Nội dung điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư này.

4. Đối tượng chủ yếu được điều tra, khảo sát gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực được lựa chọn điều tra, khảo sát;

b) Tổ chức, cá nhân là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản pháp luật được lựa chọn điều tra, khảo sát;

c) Các chuyên gia, nhà khoa học có am hiểu về lĩnh vực được lựa chọn điều tra, khảo sát.

5. Điều tra, khảo sát được thực hiện thông qua phiếu khảo sát, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác. Các hình thức điều tra, khảo sát có thể được thực hiện độc lập hoặc thực hiện kết hợp, lồng ghép với các hoạt động khác.

6. Điều tra, khảo sát thông qua phiếu khảo sát được thực hiện như sau:

a) Phiếu khảo sát được thiết kế thành các câu hỏi cụ thể, các phương án trả lời hoặc ý kiến của đối tượng được khảo sát. Nội dung các câu hỏi phải rõ ràng, khách quan, dễ hiểu, dễ trả lời, thể hiện đầy đủ các vấn đề thuộc nội dung điều tra, khảo sát; bảo đảm được mục đích điều tra, khảo sát; phù hợp với đối tượng được hỏi.

Phiếu khảo sát có thể do cộng tác viên xây dựng theo mục đích điều tra, khảo sát, được lấy ý kiến góp ý, điều tra thử để hoàn thiện trước khi cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát quyết định sử dụng.

b) Cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát tổ chức tập huấn cho người thực hiện điều tra, khảo sát về kỹ năng thu thập thông tin thông qua phiếu khảo sát.

Người thực hiện điều tra, khảo sát phát phiếu khảo sát cho người trả lời phiếu, giải thích mục đích điều tra, khảo sát, nội dung yêu cầu để người trả lời phiếu tự lựa chọn phương án trả lời, bảo đảm khách quan, trung thực.

Trước khi thu phiếu khảo sát, người thực hiện điều tra, khảo sát kiểm tra phiếu khảo sát. Trong trường hợp phiếu chưa được trả lời đầy đủ thì yêu cầu người trả lời phiếu trả lời bổ sung.

c) Cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát phân loại phiếu khảo sát theo đối tượng được hỏi, theo nhóm vấn đề, thống kê kết quả trả lời theo từng nhóm câu hỏi và nhóm đối tượng; đối chiếu kết quả trả lời của các đối tượng khác nhau về cùng nội dung để đưa ra nhận định về sự đánh giá của đối tượng được hỏi đối với nội dung được điều tra, khảo sát.

7. Điều tra, khảo sát thông qua tọa đàm được thực hiện như sau:

a) Căn cứ kế hoạch điều tra, khảo sát, cơ quan, đơn vị chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức tọa đàm tại địa bàn điều tra, khảo sát để thu thập, tổng hợp thông tin, nhận xét, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật và kiến nghị, đề xuất của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham dự tọa đàm;

b) Xây dựng báo cáo kết quả tọa đàm.

8. Điều tra, khảo sát thông qua phỏng vấn trực tiếp được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát lựa chọn, phân công và tập huấn kỹ năng phỏng vấn cho người thực hiện điều tra, khảo sát;

b) Cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát lựa chọn người được phỏng vấn là người am hiểu về lĩnh vực điều tra, khảo sát, người chịu sự tác động trực tiếp của pháp luật trong lĩnh vực điều tra, khảo sát, người trực tiếp tổ chức thực hiện pháp luật trong lĩnh vực điều tra, khảo sát;

c) Nội dung phỏng vấn tập trung vào những vấn đề quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực điều tra, khảo sát;

d) Người thực hiện điều tra, khảo sát phải chuẩn bị nội dung, câu hỏi cần trao đổi với người được phỏng vấn và ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung cuộc phỏng vấn.

9.Trên cơ sở kết quả xử lý phiếu khảo sát, kết quả tọa đàm và phỏng vấn trực tiếp, cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo điều tra, khảo sát. Báo cáo điều tra, khảo sát phải có nhận định, đánh giá khách quan về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực và địa bàn tiến hành điều tra, khảo sát; kiến nghị các biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Cơ quan, đơn vị chủ trì điều tra, khảo sát có thể tổ chức tọa đàm, hội thảo để chia sẻ và lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo báo cáo kết quả điều tra, khảo sát.

**Điều 10. Báo cáo tình hình thi hành pháp luật**

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo tình hình thi hành pháp luật trong các trường hợp sau đây:

1. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hằng năm;

2. Báo cáo tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực, địa bàn quản lý; báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp;

3. Báo cáo khi phát hiện những vướng mắc, bất cập của các quy định pháp luật hoặc thấy cần thiết phải áp dụng các biện pháp nhằm kịp thời ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra cho đời sống xã hội;

4. Báo cáo về kết quả xử lý các kiến nghị theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Chương III[[2]](#footnote-2)**

**PHỐI HỢP VÀ HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA
CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN TRONG THEO DÕI TÌNH HÌNH
THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**Điều 11. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Căn cứ yêu cầu cụ thể của từng hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp đề nghị các cơ quan, tổ chức phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung sau:

1. Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân thông qua hoạt động công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, xét xử;

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cung cấp thông tin, kiến nghị của nhân dân thông qua hoạt động giám sát tình hình thi hành pháp luật; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Bộ Tư pháp đề xuất lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách nhà nước hằng năm;

3. Hội luật gia Việt Nam, Liên đoàn luật sư Việt Nam và các Đoàn luật sư cung cấp ý kiến, kiến nghị của các luật gia, luật sư về các vấn đề pháp lý liên quan đến tình hình thi hành pháp luật;

4. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hội nghề nghiệp cung cấp ý kiến, kiến nghị của các doanh nghiệp, các hội viên về tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn, áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản pháp luật và các vấn đề có liên quan khác; phối hợp với Bộ Tư pháp đề xuất lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách nhà nước hằng năm;

5. Các cơ quan thông tin đại chúng cung cấp ý kiến phản ánh của dư luận xã hội về tình hình thi hành pháp luật.

**Điều 12. Các hình thứctham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật của tổ chức, cá nhân**

1. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức xã hội khác tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật thông qua các hình thức sau đây:

a) Gửi văn bản hoặc thông qua chuyên mục tình hình thi hành pháp luật trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử phản ánh ý kiến của mình, của các thành viên về tình hình thi hành pháp luật, kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này.

2. Cá nhân tham gia vào hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật bằng các hình thức sau đây:

a) Trực tiếp đến Phòng tiếp công dân của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; gửi ý kiến bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để phản ánh, cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật;

b) Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này.

**Điều 13. Bảo đảm sự tham gia của tổ chức, cá nhân trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo các nội dung như sau:

1. Chỉ đạo cơ quan tư pháp chủ trì, làm đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật do tổ chức, cá nhân phản ánh; duy trì chuyên mục về tình hình thi hành pháp luật trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

2. Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho tổ chức, cá nhân thực hiện cơ chế cộng tác viên và sự tham gia của cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật; khuyến khích, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

3. Khen thưởng các tổ chức, cá nhân đã có đóng góp tích cực, cung cấp những thông tin có giá trị, góp phần nâng cao hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**Điều 14. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Cộng tác viên được huy động để tham gia hoạt động thu thập, tổng hợp thông tin; điều tra, khảo sát; tham gia ý kiến về xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể và yêu cầu của công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, người đứng đầu cơ quan tư pháp tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cùng cấp huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân am hiểu chuyên môn về ngành, lĩnh vực cần theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật thực hiện theo chế độ hợp đồng có thời hạn hoặc theo từng vụ việc cụ thể.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 15. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 và thay thế Thông tư số 03/2010/TT-BTP ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật.

**Điều 16. Trách nhiệm thi hành**

Trong phạm vi lĩnh vực và địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý của mình, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định của Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**THỨ TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Đinh Trung Tụng**

**IV. THÔNG TƯ 04/2021/TT-BTP NGÀY 21/6/2021 CỦA BỘ TƯ PHÁP HƯỚNG DẪN THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ**[**59/2012/NĐ-CP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx)**NGÀY 23/7/2012 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ**[**32/2020/NĐ-CP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-32-2020-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-436251.aspx)**NGÀY 05/3/2020 CỦA CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2012/NĐ-CP**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 04/2021/TT-BTP | *Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2021* |

**THÔNG TƯ**

**HƯỚNG DẪN THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH SỐ**[**59/2012/NĐ-CP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx)**NGÀY 23/7/2012 CỦA
CHÍNH PHỦ VỀ THEO DÕI TÌNH HÌNH
THI HÀNH PHÁP LUẬT VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ**[**32/2020/NĐ-CP**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-32-2020-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-436251.aspx)**NGÀY 05/3/2020 CỦA
CHÍNH PHỦ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2012/NĐ-CP**

*Căn cứ Nghị định số*[*59/2012/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx)*ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số*[*32/2020/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-32-2020-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-436251.aspx)*ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*59/2012/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx)*ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số*[*96/2017/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-96-2017-nd-cp-quy-dinh-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-cua-bo-tu-phap-326676.aspx)*ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số*[*59/2012/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx)*ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*59/2012/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx)*.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật, bao gồm: xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật; thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin tình hình thi hành pháp luật; xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật; báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước và cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**Chương II**

**CÁC HOẠT ĐỘNG THEO DÕI TÌNH HÌNH
THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**Điều 3. Xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Căn cứ xây dựng, ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật

a) Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành do Thủ tướng Chính phủ ban hành

Căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của năm sau, kết quả hoạt động giám sát của Quốc hội, nội dung trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội, kiến nghị của cử tri trong năm đó và thực tiễn thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ đề xuất, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch.

b) Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành và thựctiễn thi hành pháp luật trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, trong lĩnh vực được phân công của cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tham mưu cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của bộ, ngành trước ngày 30 tháng 01 của năm kế hoạch, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

c) Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân các cấp ban hành

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương trước ngày 30 tháng 01 của năm kế hoạch, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp và thực tiễn thi hành pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương theo thời hạn quy định tại Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp, gửi về Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để theo dõi tổng hợp.

2. Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Mục đích, yêu cầu;

b) Lĩnh vực pháp luật theo dõi, đánh giá;

c) Các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật và tiến độ thực hiện;

d) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện kế hoạch;

d) Kinh phí thực hiện kế hoạch.

**Điều 4. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật**

1. Phạm vi trách nhiệm kiểm tra

a) Bộ Tư pháp kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi cả nước; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành.

Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện việc kiểm tra,

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, lĩnh vực được phân công của cơ quan thuộc Chính phủ.

Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của bộ,cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Các cơ quan, đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

c) Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp; kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý ở địa phương.

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực trọng tâm, liên ngành ở địa phương.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý ở địa phương.

2. Nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật

a) Nội dung kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [59/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx) ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

b) Nội dung kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và kiểm tra tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm của bộ, ngành, địa phương được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện kiểm tra

a) Căn cứ vào Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thành lập các đoàn kiểm tra.

b) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra bao gồm các nội dung cơ bản sau đây: ngày, tháng, năm ban hành quyết định; căn cứ ban hành quyết định; đối tượng kiểm tra; nội dung kiểm tra; họ, tên, chức vụ của Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn và các thành viên; quyền hạn và trách nhiệm của đoàn kiểm tra; quyền hạn và trách nhiệm của đối tượng được kiểm tra.

c) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải được thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra. Trường hợp kiểm tra đột xuất, quyết định thành lập đoàn kiểm tra phải được gửi cho đối tượng được kiểm tra ngay sau khi quyết định được ban hành hoặc phải giao trực tiếp cho đối tượng được kiểm tra ngay khi tiến hành hoạt động kiểm tra.

d) Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra các nội dung theo quy định tại quyết định thành lập đoàn kiểm tra, trường hợp cần thiết có thể kiểm tra thực tế, xác minh các thông tin, tài liệu, kết quả tình hình thi hành pháp luật để làm cơ sở kết luận các nội dung kiểm tra.

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng được kiểm tra báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra; giải trình những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra theo yêu cầu của đoàn kiểm tra. Đoàn kiểm tra xem xét, xác minh, kết luận về những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra.

e) Chậm nhất 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phải có văn bản thông báo kết luận kiểm tra gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân được kiểm tra.

g) Kết luận kiểm tra phải có các nội dung cơ bản sau đây: nhận xét, đánh giá về những kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại hạn chế trong thi hành pháp luật; kiến nghị thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; kiến nghị việc xem xét, xử lý trách nhiệm đối với sai phạm (nếu có) của cơ quan, đơn vị, người có thẩm quyền thi hành pháp luật.

**Điều 5. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật**

1. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tiến hành để phục vụ việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật. Hoạt động điều tra, khảo sát được thực hiện theo kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật, khi có những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn thi hành hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

2. Nội dung điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

3. Đối tượng chủ yếu được điều tra, khảo sát

a) Tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp đến việc thi hành pháp luật trong lĩnh vực được lựa chọn điều tra, khảo sát.

b) Các chuyên gia, nhà khoa học am hiểu về lĩnh vực được lựa chọn điều tra, khảo sát.

4. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện điều tra khảo sát thông qua phiếu khảo sát, hội thảo, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp và các hình thức phù hợp khác.

Căn cứ yêu cầu của việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp huy động cộng tác viên tham gia hoạt động điều tra, khảo sát.

**Điều 6. Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật**

1. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật bao gồm những thông tin có nội dung quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

a) Bộ Tư pháp thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trên phạm vi cả nước.

b) Bộ, cơ quan ngang bộ thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ.

Cơ quan thuộc Chính phủ thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực được phân công.

c) Ủy ban nhân dân các cấp thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương.

3. Thông tin về tình hình thi hành pháp luật được thu thập, tiếp nhận từ các nguồn sau đây:

a) Báo cáo hành chính của cơ quan nhà nước;

b) Kết quả hoạt động kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hìnhthi hành pháp luật;

c) Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng;

d) Phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân;

đ) Các nguồn thông tin phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân có thể cung cấp thông tin về tình hình thi hành pháp luật đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông qua các hình thức sau:

a) Gửi văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Trực tiếp tại trụ sở tiếp công dân;

c) Qua Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

đ) Qua số điện thoại của cơ quan nhà nước, đường dây nóng;

đ) Qua hòm thư điện tử;

e) Các hình thức cung cấp thông tin phù hợp khác.

5. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm nghiên cứu, phân tích, so sánh, đối chiếu và đánh giá thông tin về tình hình thi hành pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý.

Trường hợp cần làm rõ tính chính xác, khách quan của thông tin đã được thu thập, tiếp nhận, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, giải trình bằng văn bản những vấn đề liên quan; tiến hành kiểm tra, xác minh thực tế (nếu thấy cần thiết).

**Điều 7. Xem xét, đánh giá và xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Trên cơ sở kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật và các nguồn thông tin khác, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật và tổng hợp vào báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hằng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp tiến hành các hoạt động xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 59/2012/NĐ-CP, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

**Điều 8. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các trường hợp sau đây:

1. Báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật định kỳ hàng năm.

Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

3. Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề về tình hình thi hành pháp luật.

Nội dung báo cáo theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

**Chương III**

**PHỐI HỢP, HUY ĐỘNG SỰ THAM GIA
CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG
HOẠT ĐỘNG THEO DÕI TÌNH HÌNH
THI HÀNH PHÁP LUẬT**

**Điều 9. Phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước**

1. Các cơ quan hành chính nhà nước phối hợp thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật thông qua các hoạt động sau:

a) Cung cấp thông tin bằng văn bản, tài liệu có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo yêu cầu của cơ quan chủ trì thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

b) Cử đại diện tham gia các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và khoản 4, khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP theo đề nghị của cơ quan chủ trì thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

c) Các hoạt động phối hợp khác phù hợp quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào tình hình thực tiễn, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chỉnh phú, Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của bộ, ngành, địa phương mình.

Nội dung của Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật xác định rõcác nguyên tắcnội dung và hoạt động phối hợp; trách nhiệm phối hợp; quyền và nghĩa vụ của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**Điều 10. Quy định về cộng tác viên theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

1. Cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học được huy động tham gia hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo cơ chế cộng tác viên quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2012/NĐ-CPphải đáp ứng được các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người bị kỷ luật, người đang chấp hành hình phạt, đang bị quản chế hành chính.

b) Tốt nghiệp đại học chuyên ngành luật hoặc đại học chuyên ngành khác phù hợp với lĩnh vực theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

c) Có trình độ, kinh nghiệm công tác từ 03 năm trở lên trong lĩnh vực chuyên ngành phù hợp với công việc mà cơ quan theo dõi thi hành pháp luật yêu cầu.

2. Cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật có thể huy động sự tham gia của cộng tác viên trong các hoạt động sau đây:

a) Xây dựng mẫu phiếu khảo sát; xử lý kết quả điều tra, khảo sát; tổng hợp, phân tích, xây dựng báo cáo kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật và các hoạt động khác về điều tra, khảo sát.

b) Thu thập thông tin; rà soát, đối chiếu tính chính xác, phù hợp của thông tin; đưa ra những ý kiến nhận xét, đánh giá trong việc xử lý thông tin.

c) Xây dựng báo cáo kết quả xử lý thông tin. Báo cáo phải đưa ra nhận định, đánh giá khách quan, chính xác về tình hình thi hành pháp luật và đưa ra nhưng kiến nghị phù hợp đối với thông tin thu thập được.

3. Ký hợp đồng với cộng tác viên

a) Cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật ký hợp đồng theo từng vụ việc cụ thể với những cá nhân có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Thù lao cho cộng tác viên theo quy định của pháp luật hiện hành. Việc chi trả thù lao cho cộng tác viên căn cứ vào các hoạt động, kết quả công việc mà cộng tác viên đã thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

b) Nội dung hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật
và cộng tác viên tuân theo quy định của pháp luật về hợp đồng.

c) Cơ quan nhà nước thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật và cộng tác viên có trách nhiệm thanh lý hợp đồng cộng tác sau khi kết thúc công việc và làm các thủ tục thanh quyết toán theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2021.

2. Thông tư này bãi bỏ Chương 2, Chương 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành Nghị định số [59/2012/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-59-2012-nd-cp-theo-doi-tinh-hinh-thi-hanh-phap-luat-144158.aspx) về theo dõi thi hành pháp luật và khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 quy định chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định của Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Quốc hội;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Tòa án nhân dân tối cao;- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;- Kiểm toán Nhà nước;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Công báo;- Website: Chính phủ, Bộ Tư pháp;- Lưu: VT, QLXLVPHC. | **BỘ TRƯỞNGLê Thành Long** |

**PHỤ LỤC 1**

**KẾ HOẠCH**

Theo dõi tình hình thi hành pháp luật...[[3]](#footnote-3)

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

**2. Yêu cầu**

**II. NỘI DUNG**

**1. Phạm vi thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Phạm vi thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật là lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm; địa bàn hoặc văn bản quy phạm pháp luật cần tập trung theo dõi.

**2. Nội dung theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

***2.1. Nội dung xem xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết***

Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; tính khả thi của văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

***2.2. Nội dung xem xét, đánh giá tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật***

Tính kịp thời, đầy đủ, phù hợp và hiệu quả của hoạt động tập huấn, phổ biến pháp luật; tính phù hợp của tổ chức bộ máy; mức độ đáp ứng về nguồn nhân lực cho thi hành pháp luật; mức độ đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm cho thi hành pháp luật.

***2.3. Nội dung xem xét, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật***

Tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; mức độ tuân thủ pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

**3. Các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

Trên cơ sở phạm vi theo dõi, cơ quan xây dựng kế hoạch cần xác định hoạt động theo dõi cần thiết để mục đích theo dõi thi hành pháp luật đạt được kết quả. Các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật gồm:

*3.1. Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật*

Xác định nguồn thông tin thu thập (báo cáo, phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng, qua phản ánh của các cơ quan, tổ chức cá nhân) và cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin.

*3.2. Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật*

Xác định đối tượng kiểm tra, thời gian kiểm tra.

*3.3. Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật*

Xác định phạm vi (nội dung, địa bàn điều tra, khảo sát), đối tượng và phương pháp điều tra, khảo sát; thời gian thực hiện.

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Xác định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong thực hiện kế hoạch.

**IV. KINH PHÍ**

Xác định cụ thể nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**PHỤ LỤC 2**

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN 2** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …../BC-….3 |  *4, ngày…tháng…. năm….* |

**BÁO CÁO**

**Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật…5**

Thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật hàng năm,...6 báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật như sau:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO DÕI TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT ….7**

**1. Những ưu điểm và kết quả đạt được**

***1.1. Về việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật***

- Việc ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật (ghi rõ tên, số ký hiệu, ngày tháng ban hành của văn bản);

- Việc hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác [theo dõi tình hình thi hành pháp luật](https://trangtinphapluat.com/blog/bai-viet-hay/linh-vuc-dan-su/thuc-trang-thi-hanh-phap-luat-ve-quyen-so-huu-tai-san/) (ghi rò tên, số ký hiệu, ngày tháng ban hành của văn bản);

- Việc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật (ghi rõ số lượng cuộc kiểm tra; thời gian, địa điểm tiến hành kiểm tra tình hình thi hành pháp luật);

- Việc điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật (ghi rõ số lượng cuộc điều tra, khảo sát; thời gian, địa điểm tiến hành điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật);

- Việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật (số lượng vụ việc, vấn đề xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý từ kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát và thu thập thông tin);

- Việc thực hiện chế độ báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

***1.2. Về các điều kiện bảo đảm cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật***

- Tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất bảo đảm thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

- Công tác phổ biến, tập huấn, hướng dẫn về nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

**2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

***2.1. Về việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật***

***2.2. Về các điều kiện bảo đảm cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật***

**II. KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THI HÀNH PHÁP LUẬT....8**

***1. Việc ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật về,...9***

- Nêu tên, số lượng văn bản quy định chi tiết đã được ban hành theo thẩm quyền;

- Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết và tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy định chi tiết.

***2. Việc bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật về ....10***

- Nêu các hoạt động đã thực hiện (tập huấn, phổ biến, kiện toàn tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực thi hành pháp luật, kinh phí, cơ sở vật chất cho thi hành pháp luật);

- Đánh giá về tính kịp thời, đầy đủ của công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; tính phù hợp về tổ chức bộ máy, mức độ đáp ứng nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí cho thi hành pháp luật.

***3. Việc tuân thủ pháp luật về...11***

a) Tình hình tuân thủ pháp luật của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền

- Nêu các hoạt động thi hành pháp luật đã thực hiện của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền (trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật, trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị, khởi kiện hành chính);

- Đánh giá tính kịp thời, đầy đủ trong thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền; tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong  áp dụng pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền.

b) Tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân

- Nêu số lượng vụ việc vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực theo dõi (vi phạm hình sự, hành chính, dân sự, kỷ luật);

- Đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân.

**4. Nhận định chung về kết quả theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật**

Nêu nhận định về tác động của việc thi hành các quy định pháp luật đối với đời sống kinh tế, xã hội (tác động tích cực,tác động tiêu cực).

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Về các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật**

- Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Đối với các Bộ, ngành, địa phương.

**2. Về các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong lĩnh vực…12**

- Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

- Đối với các bộ, ngành và địa phương.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- …..13- Lưu: VT,… | …………….14 |

1 Mẫu này dùng cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp tổng hợp, cung cấp số liệu về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành và địa phương.

2 Tên của cơ quan lập báo cáo.

3 Chữ viết tắt tên của cơ quan lập báo cáo.

4 Địa danh ghi theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

5 Năm thực hiện báo cáo hoặc lĩnh vực cụ thể.

6 Tên của cơ quan lập báo cáo.

7 Năm thực hiện báo cáo hoặc lĩnh vực cụ thể.

8 Trong năm thực hiện báo cáo hoặc trong lĩnh vực cụ thể.

9 Lĩnh vực trọng tâm liên ngành/lĩnh vực cụ thể.

10 Lĩnh vực trọng lâm liên ngành/lĩnh vực cụ thể.

11 Lĩnh vực trọng tâm liên ngành/lĩnh vực cụ thể.

12 Lĩnh vực trọng tâm liên ngành/lĩnh vực cụ thể

13 Tên của cơ quan nhận báo cáo.

14 Quyền hạn và chức vụ của người ký báo cáo.

**PHỤ LỤC 3**

**Các văn bản pháp luật liên quan kinh phí bảo đảm
cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật**

**1.** Thông tư 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

**2.** Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

**3.** Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

**4.** Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;

**5.** [Thông tư liên tịch 122/2011/TTLT- BTC- BTP](http://vbqppl.moj.gov.vn/vbpq/Lists/Vn%20bn%20php%20lut/View_Detail.aspx?ItemID=26819) ngày 17/8/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

**6.** Nghị quyết số 46/2012/NQ-HĐND ngày 13/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định mức chi bảo đảm công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

**7.** Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 Quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

**8.** Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của UBND tỉnh Lai Châu quyđịnh định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

1. *Nội dung chương II được thay thế bằng các quy định tại Thông tư 04/2021/TT-BTP về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật và Nghị đinh số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Nội dung chương III được thay thế bằng các quy định tại Thông tư 04/2021/TT-BTP về việc hướng dẫn thi hành Nghị định 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật và Nghị đinh số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ* [↑](#footnote-ref-2)
3. Tên kế hoạch có thể thay đổi căn cứ vào phạm vi theo dõi tình hình thi hành pháp luật. [↑](#footnote-ref-3)